LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận em đã nhận được sự giúp đỡ tận tình của các thầy cô giáo trong khoa Văn hóa du lịch, PGS.TS Trần Bình, cán bộ và bà con người Thái ở Điện Biên. Nhân đây em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc nhất tới tất cả.

Mặc dù đã rất cố gắng, nhưng do kinh nghiệm thực tế còn ít, hạn chế về thời gian, tài chính,.. nên khóa luận không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong được sự đóng góp, chỉ bảo của các thầy cô giáo và mọi người.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng,ngày 25 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

Nguyễn Thị Thảo

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU

1. Lý do nghiên cứu 3

2. Mục đích nghiên cứu 4

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 4

4. Phương pháp nghiên cứu 4

5. Đóng góp của khóa luận 5

6. Nội dung và bố cục của khóa luận.....5

Chương 1: KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI THÁI ĐEN Ở NOONG BUA, ĐIỆN BIÊN

1.1. Đặc điểm tự nhiên ở Noong Bua 6

1.2. Đặc điểm xã hội ở Noong Bua.....9

1.3.Khái quát về người Thái ở phường Noong Bua 9

Chương 2: NGHỀ DỆT MAY CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN Ở NOONG BUA

2.1. Nghề dệt may truyền thống.....15

2.2. Vai trò của nghề dệt, may trong đời sống người Thái.....45

2.3. Biến đổi của nghề dệt, may ở Noong Bua 49

Chương 3: DỆT MAY Ở NOONG BUA VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở ĐIỆN BIÊN

1. Tiềm năng du lịch ở Noong Bua, Điện Biên 58

2. Tiềm năng du lịch của nghề dệt, may ở Noong Bua – Điện Biên…60

3. Giải pháp để khai thác phục vụ phát triển du lịch 64

4. Các tour du lịch có thể thực hiện 69

KẾT LUẬN

PHỤ LỤC Một số hình ảnh về nghề dệt, may của người Thái

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Một trong những nét văn hóa khá độc đáo và đặc sắc của người Thái đó chính là nghề dệt may truyền thống. Đây là nghề thủ công có từ lâu đời và chiếm một vị trí khá quan trọng trong đời sống kinh tế cũng như văn hóa của người Thái ở Noong Bua. Với nghề thủ công này, phụ nữ là những người quyết định đến sự tồn tại và phát triển của nó. Trong xã hội Thái cổ truyền của người Thái ở Noong Bua, dệt may là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá phẩm hạnh thiếu nữ và phụ nữ Thái. Dệt may truyền thống thể hiện ở sự cần cù, chịu khó, kỹ thuật tinh sảo, trình độ thẩm mỹ,… của người Thái. Đó là các giá trị đặc biệt, góp phần khẳng định bản sắc văn hóa Thái. Khi còn nhỏ tuổi, được bà và mẹ địu trên lưng, các bé gái đã được xem bà, mẹ, chị kéo sợi, dệt vải, vá may. Khi lên năm, lên sáu, các bé được địu lên nương rẫy trồng bông, hái bông. Lên bảy, lên tám các em đã được chỉ bảo, tập kéo sợi, dệt vải,… Lớn hơn một chút là các cô bé Thái đã có thể biết dệt vải. Điều đó đã trở thành thành ngữ trong dân gian Thái: *Mười một tuổi biết độn tóc/ Mười hai tuổi biết ngồi khung dệt vải*. Đến tuổi lấy chồng, thiếu nữ Thái phải tự tay dệt lấy vỏ chăn, làm lấy gối, đệm, may lấy khăn áo cho người mình thương... *Úp bàn tay thành vải thành sợi/ Ngửa tay thành lá thành hoa*. Mỗi cô gái Thái khi về nhà chồng thường mang theo có tới hàng chục bộ chăn, đệm, gối,… và khá nhiều vải, vỏ chăn, cạp váy. Tục lệ này đến nay vẫn duy trì. Bởi thế, có thể nói nghề dệt may của người Thái ở Noong Bua là một trong những nguồn tiềm năng lớn đối với phát triển du lịch ở Điện Biên. Muốn phát triển du lịch Điện Biên không thể không nghiên cứu, khai thác các giá trị của nghề dệt may của người Thái ở Noong Bua.

Nghiên cứu về vấn đề này đã được đề cập sơ lược trong một số các bài báo và trên một số các phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa có một công trình chuyên luận nào đề cập một cách có hệ thống. Bản thân em là một người yêu thích du lịch, ưa sự tìm tòi khám phá, và đặc

biệt quan tâm đến vấn đề này. Với các lý do nêu trên cộng với sự động viên khuyến khích của PGS.TS. Trần Bình, em mạnh dạn chọn đề tài *Nghề dệt may của người Thái ở Noong Bua với phát triển du lịch văn hóa ở Điện Biên* làm đề tài khóa luận tốt nghiệp của mình. Hy vọng đề tài này sẽ đóng góp được một phần nào đó vào việc: vừa khai thác được các giá trị của nghề dệt may ở Noong Bua phục vụ phát triển du lịch, vừa bảo tồn được văn hóa truyền thống Thái.

2. Mục đích nghiên cứu

- Tìm hiểu về nghề dệt may của người Thái ở Noong Bua, thành phố Điện Biên.

- Tìm hiểu những biến đổi của nghề dệt may của người Thái ở Noong Bua và những giá trị đích thực của nó đối với phát triển du lịch.

- Bước đầu tìm kiếm những biện pháp nhằm khôi phục, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa của nghề dệt của người Thái ở Noong Bua phát triển du lịch.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Nghề dệt may của người Thái ở Noong Bua, thành phố Điện Biên.

Phạm vi nghiên cứu:

Về không gian: phường Noong Bua, thành phố Điện Biên

Về thời gian: Trước 1986 tới nay.

4. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điền dã dân tộc học (nghiên cứu thực địa): Là phương pháp chủ đạo. Phương pháp này đòi hỏi người nghiên cứu phải có thời gian nghiên cứu tại Noong Bua. Thông qua các đợt cùng sinh sống, làm việc và khảo sát,… tại các bản Thái ở Noong Bua, với các công cụ kỹ thuật: tham gia và quan sát các hoạt động của cư dân; phỏng vấn, hỏi chuyện; chụp ảnh, quay phim; ghi chép…để thu thập tư liệu thực địa.

Để bổ sung tư liệu, trong quá trình thực hiện đề tài này, phương pháp nghiên cứu thư tịch cũng được áp dụng. Các tài liệu thư tịch được nghiên cứu gồm: Báo cáo, tổng kết hàng năm của các cấp quản lý, ban ngành Điện Biên và cơ sở; Tài liệu thống kê từ tỉnh, thành phố, phường; Các loại sách có liên quan đến người Thái và dệt may Thái đã được xuất bản ở Trung Ương về địa phương; …

5. Đóng góp của khóa luận

Bài nghiên cứu góp phần bổ sung vào chỗ thiếu của khoa học, làm tài liệu tham khảo. Và mang yếu tố thực tiễn, đóng góp cho phát triển du lịch ở nơi đây.

Bài nghiên cứu góp phần bổ sung cho tư liệu các tộc người ở Điện Biên và cho cả nước.

6. Nội dung và bố cục của khóa luận

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận* và *Phụ lục*, nội dung chính của khóa luận được trình bày trong 3 chương chính:

Chương 1: *Khái quát về người Thái Đen ở Noong Bua, Điện Biên*

Chương 2: *Nghề dệt, may của người Thái Đen ở Noong Bua, Điện Biên*

Chương 3: *Dệt may ở Noong Bua với phát triển du lịch ở Điện Biên*

Chương 1
KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI THÁI ĐEN

Ở NOONG BUA, ĐIỆN BIÊN

1.1. Đặc điểm tự nhiên ở Noong Bua

Phường Noong Bua là một trong 8 đơn vị hành chính thuộc thành phố Điện Biên Phủ (7 phường và một xã), được hình thành từ khi thị xã Điện Biên Phủ (nay là thành phố Điện Biên Phủ) được thành lập ngày 18 tháng 4 năm 1992. Phường được chính thức thành lập ngày 16 tháng 9 năm 2003. Toàn bộ đất đai, dân cư của phường trước khi trực thuộc thành phố là một bộ phận của xã Thanh Minh, huyện Điện Biên, tỉnh Lai Châu trước đây.

+ Phía Đông: Giáp xã Pu Nhi và xã Mường Phăng (huyện Điện Biên Đông)

+ Phía Bắc: Giáp phường Him Lam, thành phố Điện Biên

+ Phía Nam: Giáp phường Nam Thanh, thành phố Điện Biên

+ Phía Tây: Giáp phường Mường Thanh, thành phố Điện Biên

Phường Noong Bua có tổng diện tích đất đai tự nhiên là 1800 ha. Trong đó diện tích đất canh tác nông nghiệp là 443 ha. Trong diện tích đất nông nghiệp thì diện tích trồng lúa nước là 89,4 ha và diện tích trồng lúa nương là 45 ha, còn lại là đất khác và đồi núi tự nhiên.

Địa hình phường Noong Bua gồm hai vùng rõ rệt:

* *Vùng Thấp*: là vùng có địa hình tương đối bằng phẳng, ít bị chia cắt, độ dốc nhỏ dưới 15 độ, độ cao hơn 400m so với mực nước biển, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, du lịch. Đặc biệt, phường Noong Bua là một phần của cánh đồng Mường Thanh với diện tích trên 4000ha, là cánh đồng rộng nhất vùng Tây Bắc (nhất Thanh, nhì Lò, tam Than, tứ Tấc), với khả năng sản xuất lương thực dồi dào cánh đồng Mường Thanh là vựa lúa của tỉnh Điện Biên.

**Vùng núi cao*: Gồm có 3 bản:Tà Lènh, Nà Nghè, Kê Nênh, với địa hình chủ yếu là đồi núi cao và đất dốc, thuận lợi cho sản xuất lâm nghiệp, trồng lúa nương, ngô, chăn nuôi đại gia súc.

Đất đai ở đây có độ phì khá cao, được phân bố thành các nhóm:

- *Nhóm đất mùn*: phân bố ở các bản vùng cao và dọc ven chân đồi ở các bản vùng thấp

- *Nhóm đất phù sa*: phân bố dọc theo hai con suối là suối con (huổi nọi) và suối lớn (hong phen). Sự phì nhiêu mầu mỡ của các loại đất này thích hợp cho sự phát triển cây lương thực, hoa màu, cây công nghiệp ngắn ngày và phát triển lâm nghiệp: lúa, ngô, khoai, sắn, đậu tương, khoai tây, cây chàm, cây bông...

Khí hậu: ở Điện Biên nói chung và phường Noong Bua nói riêng đều nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa và chia thành hai mùa rõ rệt:

Mùa khô bắt đầu từ tháng 10 và kết thúc vào tháng 5 dương lịch. Đó là mùa bắt đầu những tháng lạnh nhất và kết thúc những ngày nóng nực nhất vào tháng 9 theo lịch Thái.

Về mùa khô, trong những thung lũng sáng sớm sương mù bao phủ, người ta chỉ trông thấy những ngọn núi trước mặt vào buổi trưa khi mặt trời đã lên cao.

Mùa đông tương đối lạnh, ít mưa, mùa hạ nóng, mưa nhiều với các đặc tính diễn biến thất thường, phân hóa đa dạng, ít chịu ảnh hưởng của bão, nhưng chịu ảnh hưởng của gió phía Tây Nam (gió lào) khô, nóng.

Mùa mưa bắt đầu từ tháng 6 và kết thúc vào tháng 9, tháng 10 dương lịch. Khí hậu ẩm thấp, có nhiều lúc mưa kéo dài đổ xuống suốt mấy giờ liền, lại nhiều khi mưa dầm, rả rích lê thê kéo dài hàng tuần. Lũ lụt gây nên tai họa vào tháng 1 lịch Thái (tức tháng 7, tháng 8 dương lịch).

Mùa khô lạnh ở Tây Bắc thường kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau (dương lịch). Đặc điểm nổi bật của khí hậu Tây Bắc mùa này là khô và hanh kèm theo lạnh buốt. Có những tháng về mùa này ở Tây Bắc lượng mưa

chỉ đạt tới 5mm - 20mm. Vào những đợt rét nhất nhiều nơi có nhiệt độ trung bình xuống dưới 4-5^{0}C, kèm theo lạnh và sương mù dày đặc, gió bấc và sương muối.

Nhiệt độ trung bình hàng năm khoảng 22,6^{0}C, cao nhất 36-37 ^{0}C, thấp nhất là 10^{0}C, lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1500mm, độ ẩm trung bình 84 - 85%, số giờ nắng 1900-2000 giờ/năm.

Vào thời điểm giao mùa, tức từ tháng 2- tháng 4 (dương lịch) ở Tây Bắc trời chuyển từ lạnh sang nóng. Vào thời gian này chênh lệch nhiệt độ giữa ban ngày và ban đêm ở Tây Bắc rất cao, nhiều khi buổi trưa nhiệt độ lên tới 38^{0}C, nhưng về đêm nhiệt độ lại xuống chỉ còn 18-20^{0}C. Chính khoảng cách chênh lệch này Tây Bắc hay có gió khô, nóng từ Lào thổi sang.

Đặc điểm thời tiết khí hậu như trên đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống cũng như tập quán của cư dân Tây Bắc. Xưa kia nhiều cộng đồng sống chủ yếu bằng canh tác cây lương thực trên các sườn dốc, kỹ thuật và nông cụ đơn giản. Họ phải dựa vào chế độ mưa nắng của tự nhiên. Vì thế, mùa mưa là mùa canh tác chính trong năm của họ, mùa khô cạn là mùa nông nhàn, khoảng thời gian dành cho cưới xin, làm nhà mới, tổ chức lễ hội, thăm hỏi lẫn nhau.

Như vậy, rõ ràng nông lịch của cư dân ở đây đều có dấu ấn rất đậm nét của chế độ thời tiết, khí hậu trong vùng. Mặt khác, các loại vật nuôi, cây trồng mà họ tuyển chọn, sử dụng hàng trăm năm qua đều là những giống cây trồng vật nuôi có đặc điểm thích hợp với khí hậu nóng ẩm, rét buốt của thiên nhiên. Hơn thế nữa, đặc điểm này của tự nhiên đã in đậm dấu ấn trong các tập quán sinh hoạt khác (ăn, mặc, ở, lễ tết, hội hè...) của họ.

Vùng Điện Biên nói chung đã lắm đất, của lại nhiều. Lê Quý Đôn trong "kiến văn tiểu lục" đã nhận xét rất tinh tường: "Châu này thế núi vòng quanh, nước sông bao bọc, đồn sở ở giữa, ruộng đất bằng phẳng, màu mỡ, bốn bên đều chân núi, đều phải đi một ngày đường, công việc làm ruộng bằng nửa công việc châu khác mà số thu hoạch lại gấp đôi..."

Với điều kiện tự nhiên thuận lợi như trên là điều kiện và cơ sở cho việc phát triển nghề dệt, may của người Thái ở Noong Bua, thành phố Điện Biên.

1.2. Đặc điểm xã hội ở Noong Bua

Nằm trong khu vực hội tụ đông các dân tộc anh em, song cư dân của phường Noong Bua chủ yếu là người Thái. Toàn phường có 734 hộ, dân số 3180 người, nam là 1589 người, nữ 1591 người. Trong đó, người Thái tập trung nhất là ở 4 bản: Noong Bua, Phiêng Bua, Hồng Lứu, Khe Chít.

Người Thái chiếm 60% dân số toàn phường, còn lại là người Kinh chiếm 30%, người Khơ Mú 10%, người Hmông chiếm 5 %, còn lại 5% là các dân tộc khác như người Tày, Nùng, Dao...Mật độ dân số là 87người/km.

Đời sống tinh thần của đồng bào Thái ở đây rất phong phú từ nghệ thuật dân gian đến phong tục tập quán, cũng như trong tín ngưỡng tôn giáo. Người Thái theo tín ngưỡng đa thần, xuất phát từ ngày xưa khi con người sống còn phụ thuộc vào tự nhiên nên họ sợ tất cả các hiện tượng tự nhiên từ mây, mưa, sấm, chớp...họ nghĩ rằng tất cả đều có thần linh hay đấng siêu nhiên cai quản. Vì vậy họ thờ cúng tất cả mong được cuộc sống bình yên và được phù hộ.

Là cư dân nông nghiệp, nên hàng năm họ tổ chức các lễ hội liên quan đến nông nghiệp như lễ hội: cầu mùa, mừng cơm mới, để cầu mong cho mưa thuận gió hòa, mùa màng tốt tươi, vạn vật sinh sôi nảy nở.

Trải qua bao thăng trầm, biến cố của lịch sử, người Thái nơi đây vẫn giữ được nhiều lễ hội: xên bản, cầu mùa...các lễ hội được tổ chức hàng năm và có ý nghĩa vô cùng to lớn trong đời sống tinh thần của cộng đồng dân tộc Thái.

1.3. Khái quát về người Thái ở phường Noong Bua

1.3.1. Tên gọi, dân số, phân bố cư trú

Dân tộc Thái ở Việt Nam có 1.328.725 người (1999), cư trú suốt từ miền Tây Bắc, qua Hoà Bình cho đến tận miền tây hai tỉnh Thanh Hoá và

Nghệ An. Vài năm gần đây, người Thái còn có mặt tại một số tỉnh Tây Nguyên. Người Thái tự gọi mình là *Phủ Tay* hay *Côn Tay* đều có nghĩa là người. Có hai ngành là *Tay Đăm* (Thái Đen) và *Tay Khao* hoặc *Tay Đón* (Thái Trắng).

Ngành Thái Đen *(Tay Đăm)* gồm 3 nhóm:

- Nhóm có gốc Mường Lò: Đây là nhóm Thái Đen rất thống nhất về ngôn ngữ và văn tự, phong tục tập quán. Hiện họ cư trú ở Mường Lò (Văn Chấn, Yên Bái), *Mường Than* (Than Uyên, Lào Cai), *Mường Chăn* (Văn Bàn, Lào Cai), *Mường Mụa* (Mai Sơn), *Mường La* (thị xã Sơn La và huyện Mường La), *Mường Muổi* (Thuận Châu), sông Mã, vùng *Mường Dôn* (Quỳnh Nhai) thuộc tỉnh Sơn La; *Mường Quài* (Tuần Giáo), *Mường Thanh* (Điện Biên Phủ)... thuộc tỉnh Lai Châu.

- Nhóm Thái có tên gọi là *Tay Vạt,* cư trú ở huyện Yên Châu, Sơn La thuộc *Mường Vạt* xưa.

- Các bộ phận có tên gọi là *Tày Thanh, Man Thanh, Tày Đèng* thuộc nhóm *Tày Nhại* ở miền tây hai tỉnh Thanh Hoá và Nghệ An tự nhận là Thái Đen, trong khi đó, bộ phận Thái cùng nhóm ngôn ngữ và những nét cơ bản về văn hoá cư trú ở *Mường Xang* (Mộc Châu) tỉnh Sơn La; *Mường Mùn* (huyện Mai Châu), *Mường Chiềng Ký* (huyện Đà Bắc) của tỉnh Hoà Bình lại tự nhận là Thái Trắng *(Tay Khao hoặc Tay Đón).*

Ở phường Noong Bua (Thành phố Điện Biên), theo số liệu thống kê của phường có 1590 người Thái, chiếm 50% dân số toàn phường, phân bố cụ thể ở các bản:

Noong Bua: 464 chiếm 29,1%

Phiêng Bua: 340 chiếm 21,38%

Khe Chít: 365 chiếm 22,9%

Hồng Lứu: 429 chiếm 26,98%

Các nhà ngôn ngữ học xếp người Thái vào nhóm các dân tộc nói ngôn ngữ Tày- Thái. Tộc danh Thái nay đã được sử dụng phổ biến và rộng rãi.

1.3.2. Lịch sử cư trú

Người Thái có mặt ở nước ta rất lâu đời và đa số các học giả nghiên cứu về người Thái đều cho rằng tộc người này là cư dân cổ của vùng Tây Nam Trung Quốc (*vương quốc Điền cổ xưa*). Từ đó họ thiên di xuống phía Nam tới Myanma, Thái Lan, Lào và miền Tây Bắc Việt Nam.

Sử sách cũ của ta cũng ghi khá rõ về sự có mặt của tộc người Thái ở Việt Nam. Theo các tài liệu này vào thời Lý các tù trưởng Thía (Ngưu Hống) đã về kinh đô dâng cống vật cho triều đình nhà Lý. Điều này chứng tỏ khi đó có thể là trước đó nữa các tù trưởng Thái đã chiếm lĩnh và làm chủ nhiều vùng ở Tây Bắc.

Về sự Thiên di của nhóm *Tay Đăm*, trong đó có người Thái Đen (*Tày Đăm*) ở Noong Bua, vào Việt Nam, đa số các nhà nghiên cứu đều thống nhất được bắt đầu vào khoảng thế kỷ XI – XII. Khi đó, người *Tày Đăm do Tạo Ngần và Tạo Xuông* dẫn đầu đã đi từ *Mường Ôm, Mường Ai, qua Mường Lò Luông* (Mường La, Vân Nam, Trung Quốc) vào Tây Bắc. Đầu tiên họ tới *Mường Lò* (Nghĩa Lộ) xây dựng vùng này thành trung tâm Thái do *Tạo Lò* đứng đầu. Đến thời con *Tạo Lò* là *Lạng Chượng* đã phát triển thế lực lên vùng *Mường Chiến, Mường Trai, Ít Ong* (Mường La). Sau đó họ vượt Sông Đà vào *Mường Bú, Mường La, Mường Muổi, Mường É* (Thuận Châu), *Mường Quài* (Tuần Giáo). Và cuối cùng là *Mường Thanh* (Điện Biên).

1.3.3 Làng bản và xã hội truyền thống

Trong xã hội truyền thống của người Thái ở Noong Bua, thiết chế xã hội tự quản cơ bản của họ là *Bản, Mường*. Đứng đầu Bản là *Tạo bản*, trên bản là "*Tạo Lộng*" (cai quản một số bản). Bản người Thái Đen ở Noong Bua là một đơn vị tổ chức có cư dân ổn định, có ranh giới đất đai rõ rệt. Cộng đồng lãnh thổ như thế đã in hằn thành khái niệm trong ý thức hệ truyền thống, nên mới có thuật ngữ biểu thị là "*đin bản*" (đất bản). Bản Đen ở Noong Bua

thường được lập ở chân núi, đồi, xung quanh các thung lũng, cánh đồng và phần lớn đều là những điểm tụ cư đông đúc, có bản lên tới vài trăm nóc nhà. Trong các bản các ngôi nhà được bố trí sát cạnh nhau, quay mặt ra ruộng, hoặc sông suối, dựa lưng vào núi đồi. Tuy hướng các ngôi nhà trong bản không giống nhau, nhưng các ngôi nhà cạnh nhau không bao giờ nhà này đâm thẳng đầu đốc vào mặt tiền của nhà kia. Bản thường gồm vai ba dòng họ cùng cư trú. Xưa kia, "*Tạo bản*" là trưởng tộc dòng họ lớn có công dựng và có thế lực trong bản. Trên bản là Lộng do "*Tạo lộng*" cai quản, và trên cao nhất là mường do "*Tạo Mường*"đứng đầu. Trong xã hội cũ, *mường* là một hoặc nhiều thung lũng, các bản trong vùng phải tuân thủ sự quản lý của *mường*.

Cho đến trước 1954, về cơ bản xã hội Thái chịu sự quản lý của "*Phìa Tạo"*. Chế độ này đã từng được thực dân Pháp lợi dụng để cai trị Tây Bắc. Sau 1954, *chế độ "Phìa Tạo"* bị xóa bỏ, thay vào đó là cơ cấu hành chính bản, xã, phường, huyện, tỉnh như hiện nay.

1.3.4. Đặc điểm kinh tế - xã hội

** Về kinh tế*

Trước 1954, nền kinh tế của người Thái Đen ở Noong Bua hết sức thấp kém, tự cấp tự túc và khép kín. Họ sinh sống bằng làm ruộng một vụ, làm nương, săn bắt hái lượm. Vì thế đời sống của họ rất khó khăn, sản xuất phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên. Khi đó, công thương nghiệp hầu như chưa có gì, trao đổi mua bán chủ yếu bằng hình thức vật đổi lấy vật.

Thời gian gần đây, bên cạnh các hoạt động sản xuất truyền thống, ở Noong Bua đã xuất hiện thêm một số hoạt động kinh tế mới: tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, du lịch và dịch vụ. Ví dụ, năm 2005, trong cơ cấu kinh tế của phường: Nông nghiệp: 45 %; Thương nghiệp: 20%; Dịch vụ và du lịch: 20 %; Các hoạt động khác: 15%; …

Phường Noong Bua là một phần của cánh đồng Mường Thanh, có ưu thế về sản xuất nông nghiệp, chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi. Tổng sản lượng lương thực năm 2005 đạt 8 tấn, năm 2006 tăng lên 10 tấn, chiếm gần

10% sản lượng lương thực toàn tỉnh. Tổng giá trị sản phẩm xã hội năm 2005 đạt 15 tỉ đồng. Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 đạt khoảng 2 triệu VNĐ.

** Về văn hóa, xã hội*

Phường Noong Bua hiện nay gồm 6 khối phố và 7 bản (*Noong Bua, Phiêng Bua, Tà Lènh, Kê Nênh, Nà Nghè, Khe Chít, Hồng Lứu*). Dân số 3.180 người, thuộc bốn dân tộc: Kinh, Thái, Hmông và Khơ Mú. Trong đó người Thái chiếm 50%, người Kinh 30%, HMông 5%, Khơ Mú 10%, các dân tộc khác 5%.

Tuy có những phong tục tập quán khác nhau song các dân tộc ở Noong Bua đều có chung đặc điểm là cần cù, sáng tạo và kiên cường dũng cảm trong đấu tranh cách mạng. Trong kho tàng văn hóa nghệ thuật của cư dân ở Noong Bua, dân tộc Thái có nền văn hóa phát triển sớm và độc đáo. Người Thái có chữ viết riêng mượn từ hệ chữ *Phạn* (Ấn Độ). Nhờ thế mà họ đã ghi lại nhiều sự kiện chính trị, lịch sử, xã hội và các tác phẩm văn học có giá trị như: *Xống chụ xon xao (Tiễn dặn người yêu), Khun Lú – Nàng Ủa, Ý Đón, Ý Đăm, Ý Nọi Nàng Xưa, trường ca Chương Han, truyện kể bản mường...* Những câu chuyện, những bài hát ấy đã phản ánh chân thực cuộc sống, tình yêu thiên nhiên, đất nước, con người xứng đáng là những viên ngọc quý trong kho tàng văn học dân gian. Mặt khác, Noong Bua cũng có nhiều nét đặc sắc về văn hóa các tộc người. Múa nón, múa sạp của người Thái, múa ô, múa khèn của người Hmông, múa trống, múa *tăng bu* của người Khơ Mú... đều thể hiện sự duyên dáng, náo nức, rộn ràng trong các lễ hội. Trang phục của các dân tộc với những đường nét thêu hoa văn tinh tế trên váy, áo, *piêu*... góp phần làm phong phú kho tàng văn hóa dân tộc ở Noong Bua.

Trước 1954, cuộc sống nhân dân các dân tộc phường Noong Bua gặp nhiều khó khăn, lạc hậu, trình độ dân trí còn thấp. Trong thời gian thống trị (1890 – 1922) thực dân Pháp đã cho xây dựng một cơ sở y tế, giáo dục với nhỏ tại tỉnh lỵ và một vài huyện, trong đó có phường Noong Bua.

Ở Noong Bua xưa kia, đa số nhân dân các dân tộc đều mù chữ, đặc biệt là vùng cao. Thực dân, phong kiến lợi dụng trình độ nhận thức và văn hóa thấp kém của nhân dân để duy trì, khuyến khích những tập tục lạc hậu. Người dân khi đó chỉ biết phục tùng sự bóc lột và cai trị của thực dân và bè lũ tay sai. Sau 1954, giáo dục – đào tạo được Đảng và Nhà nước quan tâm phát triển. Đến tháng 9/1999 Noong Bua được công nhận là đơn vị đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ. Năm học 2004 – 2005 có 4 trường học với 1.200 học sinh. Phong trào xã hội hóa giáo dục, xây dựng trường chuẩn quốc gia, phổ cập trung học cơ sở đang được đẩy mạnh.

Sau giải phóng Tây Bắc, công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân càng được quan tâm. Các phòng, ban y tế xã được thành lập, công tác vệ sinh phố, bản, đào giếng nước ăn, vệ sinh gia đình... được đẩy mạnh. Hiện nay bệnh viện đa khoa Điện Biên được xây dựng tại Noong Bua. Việc khám chữa bệnh, chăm sóc sức khẻo cho dân thực hiện khá tốt. Các chương trình y tế quốc gia như: tiêu chảy, phòng bệnh, kế hoạch hóa gia đình, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số,... được thực hiện rất tốt.

Chương 2
NGHỀ DỆT, MAY CỦA NGƯỜI THÁI ĐEN Ở NOONG BUA, ĐIỆN BIÊN

2.1. Nghề dệt may truyền thống

2.1.1. Lịch sử của nghề dệt

Cùng với sự phát triển của nông nghiệp, các nghề thủ công của người Việt cổ cũng phát triển mạnh. Nó đã ghi dấu ấn trong giai đoạn Phùng Nguyên, đó là những nghề như: nghề gốm, nghề luyện kim, nghề đan lát, nghề mộc và nghề dệt. Đây là các nghề phát triển nhất đã để lại nhiều chứng tích về sự tồn tại và phát triển trong suốt thời kỳ Hùng Vương. Từ những sợi tìm thấy trong thiên nhiên họ mang về đan lưới giúp cho việc đánh cá và dệt vải đáp ứng cho nhu cầu mặc trong sinh hoạt đời sống của họ. Trên trống Đồng mới đào được năm 1987 ở xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, Hoà Bình có khắc hoạ rõ nét hình những người mặc váy, đóng khố bằng các loại vải thô. Những loại ấy lúc bấy giờ theo thư tịch Trung Quốc ghi nhận đã có ở nước ta vào đầu thời Bắc thuộc và dệt bằng sợi bông, gai, tơ tằm.

Việc đi tìm ông tổ nghề dệt ở Việt Nam là một việc rất khó và tìm hiểu về lịch sử nghề dệt của người Thái lại càng khó hơn vì nguồn tài liệu thành văn ghi chép về tổ tiên nghề dệt hầu như không có, nếu có chỉ là nguồn tư liệu truyền miệng trong dân gian đã trở thành những truyền thuyết, huyền thoại được lưu truyền từ đời này qua đời khác.

Ví dụ như truyền thuyết công chúa Thiếu Hoa là con gái vua Hùng Đình Vương, thời các vua Hùng. Nàng có thể nghe và hỏi chuyện với chim muông, biết nghe tiếng của các loài bướm. Một hôm nàng vào rừng chơi nói chuyện với những con bướm và công chúa biết được có một loài bướm đẻ ra trứng, trứng đó nở thành sâu, loài sâu này chỉ biết ăn lá dâu và nhả tơ vàng. Sau đó công chúa theo bướm về bãi dâu ven sông và tận mắt chứng kiến cảnh đàn sâu đang làm kén. Nhờ đó nàng học được nghề trồng dâu, nuôi tằm dệt lụa. Được vua cha khích lệ, nàng đã tập hợp nhân dân từ vùng kinh đô xuống vùng bãi sông Hồng dạy họ cách trồng bông, nuôi tằm và truyền nghề cho họ.

Truyền thuyết về công chúa Thiếu Hoa con gái vua Hùng đã nhắc tới địa danh Bạch Hạc (Việt Trì) ngày nay, đó cũng là một điểm dừng chân của

cuộc thiên di của người Thái trắng trước khi về định cư ở Mường Mùn sau này là Mai Châu bây giờ.

Phải chăng truyền thuyết về vị tổ nghề dệt cổ truyền của người Việt Cổ ở đồng bằng Bắc Bộ có sự liên quan tới nguồn gốc tộc người Thái. Nó được thể hiện ở truyền thuyết về sự tích "Nang Mon", nàng dâu của người Thái vùng núi rừng Tây Bắc khi nói tới nguồn gốc nghề dệt cổ truyền của họ. Truyện cổ của người Thái kể rằng: Thủa khai thiên lập địa người Thái chưa có quần áo mặc, nàng Dâu xinh đẹp đi vào rừng chơi, thấy con tằm nhả tơ mới đem về dệt nên những tấm lụa thành quần áo để mặc. Để ghi nhớ ơn người phát hiện ra sợi tơ tằm dệt thành vải lụa giúp con người có quần áo mặc, người Thái trân trọng gọi nàng Dâu là "Nang Mon" và gọi con tằm nhả tơ là " Tô Nang" (Con Nang).

Như vậy có thể nói rằng nghề dệt của người Việt Cổ và nghề dệt truyền thống của người Thái đều có chung một nguồn gốc lâu đời. Nó trường tồn theo quá trình phát triển của tộc người Thái, cùng các dân tộc thiểu số khác sinh sống trên núi rừng Tây Bắc..

2.1.2. Nguyên liệu dệt, nhuộm

Bên cạnh việc trồng các loại cây lương thực, cây ăn quả, cây hoa màu…người Thái từ lâu đời đã biết sử dụng một số chủng loại cây trồng, vốn là của tự nhiên để thoả mãn nhu cầu mặc và sinh hoạt hàng ngày. Đó là việc thuần dưỡng các loại cây bông, cây dâu dùng làm nguyên liệu để tạo ra trang phục, hay các đồ dùng sinh hoạt khác.

Mọi sản phẩm vải vóc do người Thái dệt ra từ khung dệt chủ yếu được tạo ra từ chất liệu vải sợi bông và vải sợi tơ tằm. Muốn có sợi bông, sợi tơ tằm để dệt, thêu người Thái phải trồng bông và trồng dâu nuôi tằm.

** Cây bông*

Cây bông tiếng Thái gọi là "Co Phải". Ở đây phổ biến hai loại bông là bông cỏ và bông luồi, đây là loại bông tồn tại lâu đời và phù hợp với đất đai,

khí hậu miền núi Tây Bắc. Tuy nhiên người Thái ở đây vẫn thích giống bông cỏ hơn vì nó dễ trồng và cho năng suất cao hơn bông luồi.

Đối với đồng bào Thái cây bông đã gắn bó từ rất lâu đời.

Đồng bào Thái Mường Ca Da huyện Quan Hoá tỉnh Thanh Hoá có câu:

" Nhác làm việc nghĩ đến ngày đói

Nhác trồng bông nghĩ đến mùa đông"

Theo tập tục trước khi trồng bông, đồng bào tiến hành việc chọn đất. Ngạn ngữ Thái có câu: "Đất đen trồng bông" (đin đăm pú phải). Khí hậu miền núi nước ta, nơi có đồng bào Thái cư trú nhìn chung rất phù hợp với sự phát triển của cây bông cỏ. Đồng bào Thái Tây Bắc thích trồng giống bông cỏ. Nếu có vườn rộng, các gia đình có thể trồng bông ngay cạnh nhà. Nhưng chủ yếu đồng bào trồng bông trên nương. Đất trồng bông nhìn chung chiếm tỷ lệ nhất định so với toàn bộ diện tích canh tác. Ví dụ như ở bản Noong Bua tỷ lệ trồng bông khoảng 12%.

Sau khi chọn được đất thì đồng bào bắt đầu làm lễ "hẹ hay"

Lễ *"hẹ hay'* được người Thái ở đây chọn vào những ngày tốt, cụ thể là ngày mùng 2 và mùng 4 trăng lên. Thủ tục bắt buộc là phải làm 4 cái *"ta điêu"* làm bằng tre đan hình mắt cáo, vòng tròn đường kính 20-30 cm.

Lễ *"hẹ hay"* gồm các công đoạn như sau:

Trước hết là dùng một cây tre dài 5m, bổ làm 5, chừa lại độ 80 - 1m.Trong đó 4 thanh được uốn xuống cắm vào đất, lấy 5 cái "ta điêu"(nói ở trên) buộc vào 4 thanh uốn và 1 thanh còn lại giữ nguyên cho thẳng đứng, ở ngọn buộc một bông lau. Cây tre này được dựng ở giữa nương, nơi gò đất cao càng tốt. Lễ "hẹ hay" với ý nghĩa là đuổi sâu bệnh, cầu cho mưa thuận gió hoà, nương bông được tốt tươi, nở bông to.

Sau lễ "hẹ hay" họ mới bắt đầu gieo những hạt bông đầu tiên. Trồng bông có thể ở trên nương cũng có khi trồng ở đất vườn quanh nhà và đồng bào thường chọn loại đất đen, tơi xốp, có độ ẩm cao. Hình thức trồng là chọc lỗ tra hạt. Sau khi chọn ngày tốt cả gia đình sẽ tiến hành lên nương, người đàn

ông thì cầm một đoạn cây dài tầm 1,2m, đầu vót nhọn và đi trước chọc lỗ, còn những người phụ nữ và trẻ em đi theo sau bỏ hạt bông vào các lỗ đó, mỗi lỗ họ tra 2-3 hạt bông sau đó lấp một lớp đất mỏng lên để tránh những con vật ăn hạt bông. Họ vừa chọc lỗ vừa cầu mong, vừa khấn mong cho hạt bông nở to, mong cho nương bông tươi tốt và được mùa.

Bông được chăm bón, làm cỏ 2-3 lần, khi cây bông cao ngang ngực thì bắt đầu ra hoa và kết quả. Khi quả bông nở bung là lúc được thu hoạch, đồng bào thu hoạch bông bằng cách lấy tay hái từng quả. Bông nở thành từng đợt, thường thì đợt đầu là những quả bông to. Lúc hái bông đợt đầu cũng khấn và cầu mong cho bông nở rộ như sao, quả bông to hơn quả trứng và trắng như trăng rằm.

Theo kinh nghiệm của người Thái, nếu trồng bông nơi đất tốt mỗi cây có thể cho thu hoạch từ 15-20 quả. Việc hái bông được tiến hành vào lúc 4-5h chiều. Đối với người trồng bông, nỗi lo lớn nhất khi gần đến vụ thu hoạch là gió lớn, vì những cơn gió này có thể quấn theo rất nhiều bông.

Bông hái về được để trong những cái nong, người Thái có kinh nghiệm phơi sương và phơi nắng những nong bông bao giờ bông nở hết mới thôi. Bông có chất lượng tốt là loại bông trắng và xốp. Tiếp đó người ta bỏ lá, rồi phơi bông một ngày, tối ủ lại cho ấm để tách hạt vì chỉ khi nào bông ấm mới tách được hạt ra. Trước khi tách hạt, họ phải chọn bông. Bông để se sợi phải là bông trắng, số lượng bông thu hoạch về không phải tất cả đều đạt tiêu chuẩn. Vì vậy, đồng bào phải phân loại để chọn bông tốt, loại bỏ bông đen hỏng.

Như vậy bông là khâu chuẩn bị nguyên liệu đầu tiên rất cơ bản và quan trọng cho sự ra đời của trang phục, cũng như các đồ sinh hoạt hàng ngày khác.

** Nuôi tằm và chế biến tơ tằm:*

Cùng với nghề trồng bông, nghề trồng dâu nuôi tằm của người Thái đã có từ rất lâu đời. Hầu như gia đình nào cũng có một nương dâu quanh nhà, ven bờ suối và nhà nào cũng có vài nong tằm.

Giống tằm được đồng bào nơi đây nuôi có đặc điểm là không chịu được nhiệt độ quá nóng hoặc quá lạnh, nhiệt độ thích hợp cho chúng là 26-27^0 c.

Khi kết thúc một lứa tằm, người ta thường giữ lại một số kén tằm (bao gồm cả kén tằm cái và kén tằm đực) để gây giống cho lứa sau. Kén tằm hình thoi, có màu vàng và màu trắng. Kén tằm sẽ nở thành ngài và chui ra khỏi kén trong khoảng 7-8 ngày. Gần đến ngày nở, người ta phải dùng một cái bát úp lên kén để con ngài nở ra không bay đi được và cho phối giống từng đôi một, tiếp đến họ vẫn phải úp bát để giữ con ngài ở trong đó đẻ trứng. Trong vòng 3 ngày, mỗi con ngài sẽ đẻ được 2000-3000 trứng, sau đó chết. Chúng sẽ đẻ trứng vào những tờ giấy và được họ đựng vào những cái rổ, rá và tuyệt đối không để dưới đất mà treo cao và đậy thật kín, nhằm mục đích không cho những con côn trùng phá hoại. Sau khoảng 7 ngày những quả trứng đó sẽ nở thành tằm. Những con tằm khi mới nở giống như những con sâu nhỏ và có màu đen. Thức ăn duy nhất của chúng là lá dâu, mỗi ngày người ta cho chúng ăn chia làm 4 lần: buổi sáng, trưa, chiều và buổi tối. Lá dâu tằm ăn phải là lá dâu tươi và lau thật khô, nếu lá dâu bị ướt mà vẫn cho chúng ăn thì tằm sẽ bị chết. Những con tằm nhỏ mới nở thì khi đói chúng có màu trắng, còn khi no chúng chuyển sang màu xanh. Tằm con mỗi ngày ăn hết khoảng7-8 kg lá dâu, còn khi lớn chúng có thể ăn được rất nhiều và nhanh, mỗi ngày có thể ăn hết khoảng13-15 kg. Lúc tằm mới nở người ta thái nhỏ cho chúng ăn, còn khi chúng đã lớn thì để nguyên cả lá cho chúng ăn. Nếu tằm được ăn nhiều và hợp lý thì kén tằm sẽ dày và cho nhiều tơ.

Một tháng sau tằm không ăn nữa mà bắt đầu vào làm kén. Tằm làm kén trong 3 ngày, sau đó họ thu gom lại những kén tằm và để trên gác bếp hoặc cất ở những nơi thật khô ráo. Khi đã có kén tằm thì người ta bắt đầu vào công việc kéo sợi. Người Thái đun một nồi nước sôi to và luôn để trên bếp để duy

trì nhiệt độ. Kén tằm được thả vào nồi từng nắm một, người ta dùng một cái guồng quay tơ và một cái cặp giữ kén, khi quay lấy sợi thì người Thái dùng một tay để quay guồng kéo tơ, tay kia thì kéo sợi từ cặp giữ kén và cứ như vậy những người phụ nữ Thái thoăn thoắt đôi tay chẳng mấy chốc đã được những sợi tơ tằm màu trắng, màu vàng lấp lánh…

Hiện nay tại phường Noong Bua đã trồng được 3 nương bông và 2 nương trồng dâu, 1 nương trồng chàm với diện tích hơn 5 ha. Các nương này do hội phụ nữ của phường đứng ra tổ chức. Như vậy đã đáp ứng được những đơn đặt hàng của khách du lịch trong nước và quốc tế trong việc sử dụng nhưng nguyên liệu truyền thống để dệt vải và thêu khăn piêu. Đồng thời khuyến khích chị em phụ nữ sử dụng lại nguyên liệu truyền thống cùng với những nguyên liệu là sợi mậu dịch sẵn ở các cửa hàng của người Kinh dưới xuôi đem lên bán.

Như vậy, việc trồng bông cũng như trông dâu nuôi tằm được người phụ nữ Thái nơi đây rất coi trọng vì đây sẽ là công đoạn đầu tiên và quan trọng quyết định chất lượng của các sản phẩm dệt, thêu truyền thống.

2.1.3. Công cụ dệt

Sau khi đã chuẩn bị được những nguyên liệu đầu tiên thì người Thái bắt đầu vào công việc biến những nguyên liệu đó thành sợi cho vào khung cửi để dệt. Từ bông với kỹ thuật thủ công, qua bàn tay lao động của người phụ nữ Thái những hiện vật của văn hoá trang phục cũng như những đồ dùng sinh hoạt khác xuất hiện. Đó thực sự là một chu trình sản xuất với các khâu công việc và tương ứng với các khâu đó là những công cụ đặc trưng riêng, chúng kế tiếp nhau trong một hệ thống.

- Chọn, nhặt bông (lựa phải): Bông để rút sợi phải là bông trắng, xốp. Bông thu hoạch về không phải tất cả đều đạt tiêu chuẩn đó. Mặt khác trong quá trình cất giữ ở nhà, chất lượng bông bị ảnh hưởng so với khi mới thu hoạch về. Bởi vậy trước khi đem cán, đồng bào tiến hành chọn bông tốt, loại bỏ những bông xấu và có màu đen…

- Cán bông (ỉu phải): Bông thu hoạch về còn cả hạt nên bước đầu tiên là phải tách hạt ra khỏi quả bông. Bông được cán qua một dụng cụ thủ công đơn giản, nó gần giống đồ ép mía, gồm hai giá đỡ cao khoảng 1m, được đóng chắc chắn với một chân gỗ hình chữ T. Giá đỡ là hai trục gỗ xẻ rãnh được đặt sát nhau và được nối với tay quay. Khi ta quay hai trục gỗ này sẽ xoắn ngược chiều nhau ép cho hạt bông bật ra, còn lại là bông trắng theo miếng vải được đính ở dưới hai trục gỗ rơi xuống rổ. Hạt bông được tách ra thì họ cất để làm giống cho vụ sau.

- Bật bông (tháp phải): Bật bông là công việc làm cho bông tơi xốp, sau khi bông đã được tách hạt người ta cho vào xôn (như sọt), rồi dùng dụng cụ người Thái gọi là "cồng tháp phải" để bật bông. Dụng cụ để bật bông là một cần, cần bật bông được cấu tạo bởi một chiếc thân và một chiếc dây. Thân cần là một thanh gỗ vừa chắc vừa dẻo, đoạn giữa hình trụ, hai đầu vót thon để đảm bảo độ bật của dây, dây cần thường làm bằng sợi gai để khi bật không bị đứt dây. Khi bật bông đồng bào cho bông vào một cái sọt to sau đó dùng cần bật cho dây bắn vào các lớp bông. Dây cần bắn vào bông sẽ làm cho bông tơi xốp.

- Quấn bông (lọ phải): Sau khi bông bật xong lúc này bông đã tơi xốp, trước khi rút thành sợi phải qua một khâu gọi là quấn bông (lọ phải). Đây là khâu làm cho bông rời thành những cuộn bông nhỏ. Dụng cụ để cuốn bông là một miếng gỗ hình chữ nhật (tỷ lệ trên dưới 15cm x 20cm) và một chiếc que nhỏ vót tròn như chiếc đũa. Trước khi quấn đồng bào dải bông lên mặt gỗ, đặt đũa lên trên và lăn cho bông quấn xung quanh. Sau khi quấn xong họ rút que đũa ra quấn lượt khác. Các con bông này được người Thái cất giữ cẩn thận cho chúng luôn sạch trắng và tránh để gần lửa vì nó rất dễ cháy.

- Kéo sợi (pắn phải): Từ những cuộn bông nhỏ được quấn ở trên họ dùng những cuộn bông này để rút thành sợi. Đây là một trong những công việc khó, mất nhiều thời gian và đòi hỏi một tay nghề khéo léo mới tạo ra được số lượng sợi cần thiết cho việc dệt vải. Người ta quay xa (la) để kéo và

xe sợi từ các thỏi bông. Xa làm bằng gỗ và có trục quay bằng kim loại. Tay phải quay guồng xa làm cho kim xa có kẹp sẵn thỏi bông quay theo, trong khi tay trái kéo bông ra chầm chậm, nghĩa là kéo đến đâu thì sợi được xe ngay đến đó. Kỹ thuật biến những lọn bông thành sợi dài, không bị đứt, sợi đều…đã trở thành nghệ thuật của người phụ nữ Thái, đồng bào có câu:

"*Yêu người nào khen người ấy đẹp*

Guồng kéo sợi người nào người ấy quen tay"

Để tăng thêm độ bền cũng như độ dai của sợi bông thuận lợi cho việc dệt vải, người ta phải hồ sợi, người Thái gọi là "khả phải". Đồng bào dùng gạo tẻ nấu cháo cho nhuyễn thành bột, sao đó cho sợi vào đan khoảng 2-3h, bắc ra để nguội rồi vớt ra phơi và đập nhiều lần bằng một thanh gỗ nhằm để cho sợi vải thật chắc, rồi sau đó phơi khô.

Sau đó sợi được cuốn vào một khung hình chữ I gọi là "pìa" để tại thành cuộn. Thông thường kết thúc công đoạn này, người ta tháo cuộn sợi ra cất đi. Tuy nhiên sợi dùng để dệt váy thì đem nhuộm chàm. Tiếp theo là việc ngoắc. Trong tiếng Thái, thao tác này không có tên gọi, bởi chỉ là động tác ngoắc cuộn sợi vào một dụng cụ là " cồng quang". Sợi từ " cồng quang" sẽ được kéo ra để cuộn vào chiếc suốt nhỏ lắp trên xa quay sợi. Thao tác kéo sợi ra để cuộn vào suốt như vậy gọi "piến phải". Các suốt sợi này sẽ được cài vào lỗ đục của con thoi để dệt.

- Dệt vải (tắm húk): Chiếc khung dệt khi chưa dàn sợi gọi là "ki", khi đã dàn sợi gọi là "húk', vì thế thao tác dệt vải gọi là "tắm húk". Khung cửi của người Thái là kiểu khung đứng, liên kết cố định nhiều chi tiết (4 cột, 2 thang trên, 2 thang dưới, thanh ngang, ván ngồi…) làm bằng gỗ hoặc bằng tre, sử dụng lâu năm. Trước khi dệt phải kéo dàn sợi (khền húk) với độ dài 10-15 sải tay, thường thì họ dàn sợi dưới gầm sàn, xung quanh cột nhà. Sau khi đã dàn xong sợi dọc, người ta tháo sợi ra và bắt đầu cho vào khung cửi. Họ luồn sợi qua go (hưn) và bàn dập (phưm) rồi buộc cố định vào khung cửi.

Như vậy, để có được một tấm vải để làm trang phục hoặc làm các đồ dùng khác trong gia đình, người phụ nữ Thái đã phải trải qua rất nhiều công đoạn và đòi hỏi một tay nghề khéo léo, sự cần cù, chịu khó mới có thể làm nên những sản phẩm đẹp và độc đáo đến vậy. Chúng ta đang sống trong thời kỳ công nghiệp với sự phát triển cao của khoa học kỹ thuật, nếu nhìn lại những công cụ sản xuất trang phục và các đồ dùng sinh hoạt khác của người Thái như: cán bông, bật bông, xa quay sợi, khung dệt…thì thấy thật thô sơ. Nhưng đặt các công cụ đó trong thời kỳ "tiền công nghiệp" nhằm chế tạo ra vải thoả mãn nhu cầu sinh học thì giá trị đó thật lớn lao và đầy ý nghĩa. Tự tạo ra trang phục và các đồ dùng khác, cộng đồng Thái hoàn toàn tự chủ được cái mặc và những nhu cầu khác của cuộc sống.

2.1.4. Kỹ thuật dệt, thêu

2.1.4.1. Kỹ thuật nhuộm (nhọm)

Nguyên liệu để tạo nên màu sắc trong các sản phẩm của người Thái đều được họ lấy từ thiên nhiên, nơi họ sinh sống và gắn bó. Đây không phải là công việc dễ dàng mà người Thái đã phải trải qua quá trình tìm tòi và thể nghiệm lâu dài mới có thể đúc rút ra được những kinh nghiệm đáng quý như vậy.

Người Thái không có công thức nhuộm chung, việc sử dụng các nguyên liệu để nhuộm đều tuỳ thuộc và kinh nghiệm và hiểu biết của từng người. Có thể nhuộm ngay khi còn là sợi hoặc khi đã dệt thành vải, nhưng riêng đối với tơ tằm thường chỉ được nhuộm khi còn là sợi.

Đối với sợi bông, trước khi nhuộm chàm bao giờ người ta cũng hồ sợi bằng cách luộc sôi gạo trắng với con sợi rồi giặt kỹ trong nước lã, để giúp cho sợi vải được mịn và chắc sợi khi dệt không bị đứt. Nếu muốn dệt vải đen, váy, khăn piêu, sợi trắng đã hồ phải đem nhuộm chàm. Lá chàm hái về, ngâm vào nước trong vại, sau 2-3 ngày (mùa hè) hoặc 5-6 ngày (mùa đông), thì vắt lấy nước, bỏ phần xác lá, bột chàm sẽ lắng đọng thành cao dưới đáy vại. Trước khi nhuộm, cần hào thêm vào đó một ít nước vôi tôi và nước gio, khuấy đều

lên cho đến khi có cục bọt nổi lên. Việc khuấy đều cũng cho thêm phụ gia nhiều hay ít tuỳ thuộc và kinh nghiệm, kỹ năng và thói quen của từng người. Khi nhuộm nhúng cả cuộn sợi và vại, dùng tay bóp kỹ và đều, sau đó lấy ra vắt kiệt nước, giặt sạch rồi phơi; nhuộm nhiều lần cho vải bền màu. Để nhuộm chàm được đẹp và màu sắc như mong muốn người nhuộm phải có bí quyết và phải kiêng một số điều nhất định. Ví dụ họ kiêng phụ nữ có chửa vào khuấy chum chàm, hay kiêng người lạ xem chum chàm của họ. Chính vì vậy, trong bản thường chỉ có một vài người biết nhuộm đẹp.

Người Thái ưa thích nhuộm sợi tơ tằm để lấy sợi thêu khăn piêu. Cây phăng được chặt thành khúc nhỏ đun kỹ, sau đó cho sợi tơ tằm vào ngâm 2-3 tiếng sẽ cho màu đỏ thẫm, còn để tạo tạo màu da cam người Thái dung rễ cây "xét", lấy lớp vỏ, giã nhỏ rồi cho sợi tơ vào đun kỹ, sau đó phơi khô.

Từ nguyên liệu vải sợi bông hay tơ tằm, để xử lý vào yêu cầu thẩm mỹ của trang phục hay các đồ dùng khác, người Thái đã tạo ra các màu: chàm, đỏ, vàng, đen, xanh, trắng…

Họ tạo thành mầu sắc bằng cách nhuộm vải bằng những cây, lá hoặc tự trồng hoặc lấy từ rừng về và tạo theo phương thức truyền thống đó là:

- Màu trắng (đón): Là màu để nguyên từ màu sợi bông
- Màu chàm (cham): Nhuộm sợi bông trắng với nước lá chàm
- Màu đỏ (đanh): Ngâm sợi bông vào nước cây "phăng" (co phang) hoặc cánh kiến, hoặc nước quả cây "xởm pú"
- Màu vàng (lương): Nhuộm sợi vào nước cây "hem" (co hem)
- Màu đen (đăm): sau khi nhuộm chàm, đồng bào ngâm vào nước củ nâu "mak bau"
- Màu tím (pằng): Ngâm sợi vào nước cây "co giọng giảnh"
- Màu xanh (kheo): Ngâm sợi vào nước cây "co khẩu cắm"

Nếu dệt tấm thổ mặt chăn (nả pha) nền màu trắng và hoa văn màu đen (nả pha lao) thì con sợi để làm hoa văn phải được nhuộm đen. Sợi ấy đầu tiên phải được nhuộm chàm (cặn nin), sau đó ngâm qua nước củ nâu (lang bàu) và

nhúng xuống bùn. Phương pháp này cũng được áp dụng cả trường hợp biến vải trắng thành vải đen. Nếu chỉ ngâm nước cây chàm thì sợi hay tấm vải sẽ không có màu đen mà chỉ có màu xanh lam (xành nin) và không bền màu.

Ngày nay, việc sử dụng các sợi mậu dịch về dùng đã khá phổ biến trong các bản người Thái. Vì vậy cho nên việc nhuộm vải bằng các loại lá, cây tự nhiên hầu như đã không còn như trước kia nữa.

Người Thái cũng như những tộc người khác, sau khi đã ra được những màu sắc ưng ý và đẹp mắt thì họ đã biết cách giữ cho những mầu sắc đó không bị phai mờ theo thời gian.

Thật là cảm động và độc đáo, dân ca Thái còn mượn cả hình ảnh của công đoạn dệt vải, nhuộm vải để diễn tả nỗi niềm chia ly của mình khi không lấy được người mình yêu. Điều đó cũng đủ thấy nghề dệt truyền thống của người Thái đã gắn bó với đời sống tộc người như thế nào:

Ta yêu nhau cho kẻ khác lấy
Lòng rối như guồng rối
Lòng chát như nước tro
Đau xót như hoà cánh kiến hoà vôi
Tiếc hối như pha nước chàm quá mặn
(dân ca)

2.1.4.2. Kỹ thuật dệt (tắm húk)

Để tạo ra một tấm vải đẹp với bàn tay khéo léo của mình người phụ nữ Thái đã phải trải qua rất nhiều công cụ, đòi hỏi sự khéo léo và kiên nhẫn.

Khung cửi của người Thái là kiểu khung đứng, liên kết cố định nhiều chi tiết (4 cột, 2 thang trên, 2 thang dưới, thanh ngang, ván ngồi…) làm bằng gỗ hoặc bằng tre, sử dụng lâu năm…

Trong khung cửi theo kiểu hình khối chữ nhật, sợi được căng từ ở phía trên rồi kéo chéo xuống phía trước bụng người ngồi dệt. Người Thái buộc từng đầu sợi và lõi cuốn vải (xơ pặn). Khung dệt có một số chi tiết quan trọng như: một go chính, hai go phụ, hai que chia sợi, hai cần đạp chân…

Hai go phụ (khau) dùng để bắt lóng và chia các sợi dọc. số lượng sợi dọc được chia đôi, đều nhau và đi qua hai "khau" theo nguyên tắc: cứ một sợi đi qua "khau" thứ nhất thì sợi tiếp theo đi qua "khau" thứ hai cho đến hết.

Hai cần đạp chân (tin nhăm) dùng để điều khiển hai go lên xuống khi dệt vải. Mỗi cần đạp nối với một go.

Go chính (phưm) hay còn gọi là bàn dập sợi dùng để đẩy các sợi ngang dọc thoi đan qua vào nhau, vuông góc với các sợi dọc được giăng trên khung dệt để tạo thành vải. Mặt khác, "phưm" còn có tác dụng cố định khoảng của các sợi trên vải.

Hai que chia sợi (láp phải) có tác dụng giữ cho sợi dọc được căng và luôn ở vị trí cách đều nhau.

"Xơ pặn" là bộ phận cuộn vải được dệt xong và nó có thể di động được.

Khi dệt, người phụ nữ Thái ngồi vào phía sau khung cửi, hai tay, hai mắt, hai chân…thao tác liên tục phối hợp nhịp nhàng. Cứ mỗi lần lao thoi ngang qua hai lớp sợi dọc thì một lần dùng "phưm" dập sợi về phí mình. Tiếp đó lại dùng chân điều khiển đưa các go phụ lên xuống theo chiều ngược lại và lao thoi.

Người Thái ở đây có 2 kiểu dệt là dệt trơn và dệt hoa văn:

** Dệt trơn:*

Đây là kiểu dệt đơn giản nhất, có thể gọi là dệt trơn, chỉ là hình thức đan các sợi dọc và ngang theo kỹ thuật lóng mốt. Người ta thường dùng kỹ thuật này để dệt vải bông thô trắng, vải sọc.

Các công đoạn chuẩn bị đã hoàn thành, người phụ nữ có thể bắt tay vào công việc dệt vải. Họ đạp bàn đạp cho hai luồng sợi so le nhau lên, xuống. Nếu muốn hạ sợi xuống, người ta đạp xuống, go phụ sẽ kéo một luồng sợi xuống thấp hơn so với vị trí của sợi được căng trên khung cửi. Khi đã đưa thoi qua, người dệt nhấc chân lên, kéo go chính về phía mình ngồi để đập sợi ngang vào khít nhau. Mức độ kéo go chính đập mạnh hay nhẹ là tuỳ thuộc vào ý định dệt vải dày hay thưa của người dệt. Khi làn sợi bị kéo xuống đã trở

lại vị trí bình thường, người dệt đạp vào bàn còn lại để hạ luồng sợi thứ hai xuống, lao thoi qua, kéo go chính đập sợi. Khi dệt được dài thì người dệt lại cuốn vải vào lõi "xơ pặn" và cứ tiếp tục dệt như vậy.

** Dệt hoa:*

Là kiểu dệt phức tạp hơn, nếu muốn dệt hoa thì khung cửi phải có thêm các bộ phận phụ. Các go phụ đóng vai trò rất quan trọng trong việc dệt hoa văn (khau khít).

Để dệt những mẫu hoa văn, người ta cần phải có go hoa (kháu khít) lắp vào khung cửi. Người Thái thường phải luồn từng sợi của go hoa qua dàn sợi trên khung cửi. Mỗi giá của go hoa được luồn qua hai sợi dọc rồi buộc vào giá treo phía trên. Sợi go này tiếp sợi go kia cho đến hết chiều rộng của khổ vải.

Cách dệt hoa như sau: người ta lấy lóng đan *líu* từ trên dây đựng que đưa qua go hoa xuống dưới, cầm lóng đan gạt lên, gạt xuống dọc theo dàn sợi, dệt cho những sợi của go hoa tách đôi làm hai làn sợi ở trên và ở dưới. Những sợi go hoa phía trên giữ số sợi dệt còn lại ở vị trí bình thường. Người ta lấy tay đè nhẹ lên làn sợi để tạo ra khoảng cách giữa hai làn sợi, luồn lóng đan qua rồi gạt xuống phía dưới. Khi dệt, người ta đưa "pẻn ngáng" luồn theo lóng đan trên dàn sợi, dựng nó lên, ngáng rộng hai làn sợi dệt và đưa thoi qua. Cứ như vậy cho đến khi nào trên dàn sợi hết lóng đan thì người dệt dệt xong được một mảng hoa văn.

Nếu muốn dệt vải kẻ ô vuông thì khi giăng sợi dọc vào khung cửi đồng bào giăng xen kẽ các sợi màu cần dệt. Tiếp đó khi dệt đồng bào điều chỉnh sọc ngang theo màu sợi mắc vào con thoi.

Khi căng sợi dọc vào khung cửi nếu không khéo rất khó dệt. Nếu sợi dọc bị chùng thì dệt chậm, khó, ảnh hưởng đến năng suất.

Khổ vải truyền thống của người Thái thường là trên dưới 40cm. Theo cách tính của người Thái thì:

10 châu được tính bằng 40 sải tay và làm được 80 chiếc túi Thái.

10 châu bằng 1 con phải

1 châu làm được 2 "nả pha" (mặt phà)

Vào những lúc nhàn rỗi chị em phụ nữ dệt khung cửi xong mất 18-20 ngày, còn lúc bận thì dệt mất 30 ngày. Đó là dệt trơn, còn dệt hoa văn thì mất 40 ngày.

Dệt vải với kỹ thuật thủ công như trên tuy không phức tạp nhưng cũng không phải là công việc giản đơn. Vải đẹp hay xấu, thưa hay dày, có bị lỗi hay không…là những thước đo để đánh giá tay nghề của người phụ nữ Thái. Với một chiếc khung dệt cơ bản thì một cô gái trẻ có thể học dệt loại vải có những hoa văn đơn giản, đưa thêm vào chiếc que tạo hoa văn để làm nổi bật những yếu tố cá nhân. Trải qua thời gian, cô biết phát triển khả năng của mình khi đã có thêm kiến thức.

Nàng dâu về nhà chồng mà không biết dệt vải thì đó là một điều vô cùng xấu hổ và bị nhà chồng cười chê, nên các cô gái Thái từ khi còn tấm bé đã chăm chỉ học dệt, thêu, may vá từ các bà, các mẹ.

2.1.4.3. Kỹ thuật thêu

Nếu như kỹ thuật dệt để tạo hoa văn thường chỉ áp dụng đối với chăn, màn, rèm màn là chính thì kỹ thuật thêu hoa văn lại áp dụng nhiều cho việc thêu mặt gối và đặc biệt là thêu khăn piêu.

Nổi bật nhất trong kỹ thuật thêu của người Thái ở Noong Bua là kỹ thuật thêu khăn piêu (siếu piêu). Trong trang phục phụ nữ Thái chiếc khăn piêu luôn được mọi người nhắc đến như một phần không thể thiếu để làm tăng thêm vẻ đẹp của người con gái. Khăn piêu là một tác phẩm nghệ thuật tuyệt vời do bàn tay khéo léo của người con gái Thái tạo nên. Piêu là một sản phẩm văn hoá tinh thần in đậm bản sắc dân tộc Thái.

Nếu như hoa văn tạo từ kỹ thuật dệt thường chỉ thể hiện sự mô phỏng tượng trưng thì hoa văn tạo ra từ kỹ thuật thêu chẳng những phong phú, đa dạng về hình dáng, màu sắc, mà còn có thể đáp ứng được cả hai phong cách thể hiện: mô phỏng, cách điệu và tả thực rõ nét. Rõ ràng, trong kỹ thuật dệt với các thao tác chính là bắt go, đan cài và luồn sợi theo công thức nhất định,

người ta không thể tạo được những đường cong tự nhiên, mềm mại hay những nếp uốn theo ý muốn. Trong khi đó, kỹ thuật thêu có thể khắc phục được hạn chế này và còn có khả năng sáng tạo trong quá trình thể hiện đồ án hoa văn.

Đồng bào Thái làm "piêu" tự loại vải bông tự dệt. Trước khi thêu từ miếng vải đã được nhuộm chàm, họ cắt ra và có chiều dài được đồng bào đo bằng một sải tay, để làm khăn đội đầu. Chàm là màu nền để trên đó người phụ nữ Thái thêu các đồ án hoa văn bằng các loại chỉ màu như đỏ, vàng, tím, da cam… ở hai đầu khăn. Khăn piêu được tạo ra bằng cách thêu chỉ màu đan trên mặt vải. Những sợi chỉ đủ màu sắc được phối màu với nhau một cách rất hài hoà. Điều đáng nói là tất cả các cô gái Thái không được học qua một trường lớp nào về tạo hình, phối màu mà những chiếc khăn piêu họ tạo ra đều được trang trí rất hài hoà, đẹp mắt.

"Piêu" Thái không phải trang trí ở toàn bộ diện tích của nó mà được tập trung đồ án trang trí ở hai đầu của khăn. Trước khi thêu các đồ án trang trí ở hai đầu khăn, phụ nữ Thái ghép vải màu đỏ làm viền. Các viền đỏ bọc cho sợi ở các đàu khăn khỏi bị sổ ra, vừa như là giới hạn diện tích trang trí ở đầu khăn. Đường viền đỏ bọc ở 3 mép đầu khăn rộng trên dưới 1cm. Phụ nữ Thái dùng lối khâu luồn rất khéo để hạn chế tới mức tối đa đường chỉ lộ ra ngoài để cho đường viền màu đỏ và nền chàm của khăn liền làm một. Trước khi thêu, chị em làm những chiếc "cút" để đính vào "piêu". "Cút piêu" được làm từ một mảnh vải đỏ rộng khoảng 1cm, bên trong bọc lõi chỉ rồi cuộn tròn lại.

Theo Cầm Trọng thì "cút piêu" của người Thái có nguồn gốc sâu xa. Bởi người Thái có truyền thuyết kể rằng: Ngày xưa, xưa lắm có một mường toàn phụ nữ sinh sống với nhau. Bất cứ kẻ khác giới nào lọt vào mường đó đều bị giết chết. Tình cờ có một người đàn bà đi rừng gặp một người ở mường đàn ông lạc sang. Hai người đó đi lại với nhau và sinh được một người con trai…lớn lên, người con trai đó thấy sự vô lý trong cách sống của "mường mẹ" nên đã về "mường bố" huy động lực lượng sang đánh…

Mường đàn bà thất bại, xin mường đàn ông tha chết và hứa từ đấy về sau không ở tách riêng mường đàn ông. Họ sẽ mặc váy khâu kín và đội khăn. Để đánh dấu sự thất bại của mường đàn bà, mường đàn ông đã in một "dấu ấn" lên trên chiếc "piêu", đó là những chiếc "cút" đính trên "piêu". Đó là những dấu ấn của ngón tay đã điểm chỉ vào đó.

Nếu theo truyền thuyết thì khi người Thái biết làm "piêu" thì đồng thời cũng biết làm "cút". "Cút piêu" làm rất cầu kỳ, chỉ những người thành thạo thêu thùa mới biết làm. Các "cút" sau khi làm xong được ghép rất khéo léo vào đầu "piêu". Phụ nữ Thái dùng các loại chỉ màu để ghép "cút" vào "piêu". Nhìn vào chiếc "cút" được đính vào đầu "piêu" ta rất khó đoán nhận ra mạch chỉ khâu ghép các đường trang trí với nhau. "Cút piêu" thường được sắp xếp thành từng chùm với số lẻ (3, 5, 7) ở hai đầu khăn. Vậy cho nên "cút" trên "piêu" bao giờ cũng là "cút" chùm trông rất đẹp mắt.

Sau khi bọc viền và ghép "cút piêu" xong, phụ nữ Thái bắt đầu công việc thêu "piêu". Khi thêu những đồ án hoa văn đa dạng, phong phú lên hai đầu khăn, họ nhìn theo mẫu song không rập khuôn một cách máy móc. Trong quá trình thêu họ có thể sáng tạo theo ý muốn chủ quan của mình. Nét đặc biệt là, người phụ nữ Thái không thêu "piêu" ở mặt phải (như lối thêu thông thường) mà lại thêu từ mặt trái, các đồ án hoa văn với những màu sắc hài hoà và đẹp mắt lại hiện lên ở mặt phải. Đó là lối thêu truyền thống với trí tưởng tượng của kỹ thuật và mỹ thuật dân gian tài tình.

"Piêu" được thêu theo lối "luồn chỉ" hay "đan chỉ" màu vào vải. Nhưng cái khó là phải tính toán theo nguyên tắc nhất định để luồn chỉ mặt trái mà hoa văn lại hiện lên chính xác ở mặt phải. Hoa văn "piêu" không giản đơn, điểm xuyến mà là một hệ thống đồ án có bố cục nội dung phức tạp. Rõ ràng nếu người phụ nữ Thái không có một trình độ thêu nhất định thì sẽ không bao giờ có được chiếc "piêu" đẹp bằng chị, bằng em. Việc thêu "piêu" thật sự đòi hỏi phụ nữ Thái phải nắm chắc nguyên tắc, kỹ thuật, phải thuộc đồ án hoa văn với hai mặt phải, trái của nó.

Nếu như 6, 7 tuổi con gái Thái phải làm quen với việc nhặt bông, se sợi…thì khi lớn lên 10-12 tuổi bắt đầu làm quen với công việc thêu thùa, với việc làm "cút" và thêu "piêu". Ở độ tuổi đó, thành viên nữ của cộng đồng Thái phải biết nhìn vào mẫu "piêu", biết nhận ra bố cục của đồ án hoa văn. Học thêu "piêu" với các cô gái Thái là một quá trình nhận thức và rèn luyện đôi bàn tay khéo léo của mình để chuẩn bị bước vào đời.

Việc học dệt vải và học thêu khăn là bài học phổ thông, tất yếu của mọi thành viên nữ trong nếp sống của cộng đồng Thái. Bởi vậy "piêu" còn là tiêu chuẩn xã hội để đánh giá một người phụ nữ. Qua chiếc "piêu" có thể biết chủ nhân của nó là người tài hoa, siêng năng, chịu khó…hay là người vụng dại, lười nhác.

Như vậy để có được tư duy kỹ thuật thủ công như vậy người Thái phải trải qua quá trình lao động, sáng tạo và tích lũy lâu dài. Điều đó cho ta thấy một trình độ tư duy khá cao của cộng đồng Thái. Đó là nhân tố quan trọng góp phần có tính quyết định sự tồn tại của nghề thủ công tuyền thống này và tạo nên bản sắc văn hoá Thái.

2.1.5. Mô típ hoa văn trên các sản phẩm dệt, thêu

Hoa văn Thái bắt nguồn từ chính cuộc sống lao động của đồng bào và gắn bó với họ trong cuộc sống hàng ngày. Thông qua những hoa văn đó, người Thái phản ánh những tâm tư, tình cảm cũng như ước mơ và khát vọng vươn tới cái đẹp.

Tục ngữ Thái có câu:

Khuổm mư pền bó cai
Hài mư pền bó tong khày cai
(Úp tay thành hoa Đào nở
Mở tay nở bừng hoa gạo)

Câu tục ngữ ca ngợi bàn tay khéo léo,sự chăm chỉ, siêng năng của người phụ nữ. Từ đôi bàn tay khéo léo ấy họ đã tạo ra biết bao sản phẩm quý giá và đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của chính tộc người họ.

Hoa văn trên các sản phẩm dệt, thêu rất phong phú và đa dạng và chúng được thể hiện phổ biến nhất ở các mô típ sau:

2.1.5.1. Mô típ hoa văn hình động vật

Hoa văn hình con rồng (lai linh): Là hoa văn được người Thái rất ưa thích trong dệt mặt phà (nả pha). Đó là hình con rồng đầu có bờm rậm, mình dài và nhiều đường gấp khúc, có 4 chân có khi là không có chân, những con rồng thường là màu đỏ nổi bật trên nền trắng của mặt phà trông rất đẹp mắt. Ngày xưa con rồng là biểu hiện của sự giàu sang, phú quý của gia tộc phìa, tạo bề thế và chỉ con gái của những gia tộc này mới được sử dụng họa tiết hoa văn hình rồng. Còn ngày nay thì hoa văn này đã được phổ biến rộng rãi trong từng gia đình người Thái.

Hoa văn hình khỉ (lai linh): Đó là hình những con khỉ nối đuôi nhau vây quanh ô vuông chứa hình sao 8 cánh. Họa tiết hoa văn hinh khỉ xuất hiện ở mặt phà và khăn piêu, được người phụ nữ Thái dệt và thêu rất khéo léo.

Hoa văn hình con voi (lai trang): Hoa văn hình con voi thì mới xuất hiện trong những năm gần đây và được người Thái sử dụng họa tiết này để thêu khăn piêu. Sở dĩ mới có hoa văn này là do người Thái ở đây đã học được cách thêu khăn piêu của người Thái ở Sơn La. Hoa văn hình con voi phổ biến nhất là ở vùng Thái Nghệ An, nổi bật nhất là ở chân váy.

Hoa văn hình chim (lai nộc): Đáo là những ô vuông nhỏ đen, trắng xen kẽ nhau tạo thành mảng hoa văn lớn. Hoa văn hình chim có nhiều ở mặt phà, ngoài ra còn có ở khăn piêu, túi Thái và địu.

Hoa văn xương cá (lai cảng pa): Những hình xương cá cách điệu xếp đối xứng bốn mặt qua tâm chứa trong các hàng ô vuông xếp chéo. Hoa văn xương cá được xuất hiện nhiều ở khăn piêu.

Hoa văn chân chó (lai tin ma): Đó là những hình ô vuông nhỏ xen kẽ nhau, hoa văn chân chó thường có màu đen, xanh trên nền trắng và đỏ. Nó có nhiều ở túi Thái và mặt phà.

Hoa văn hình con rết (lai chắc khếp): Được trang trí ở các cạnh của khăn piêu, là hình những con rết nhiều chân với các màu đỏ, xanh, trắng kết hợp với nhau rất khéo léo và hài hoà.

Hoa văn hình con bướm (lai bửa): Hình những con bướm cách điệu được xếp thành từng cặp quay đầu ra hai phía, cũng có khi chụm đầu vào nhau phía trong những ô vuông xếp chéo. Mô típ hoa văn hình con bướm ta bắt gặp nhiều ở mặt phà, khăn piêu và mặt gối.

2.1.5.2 .Mô típ hoa văn thực vật

Đầu tiên phải kể đến đó là rau dớn (phắc cút): Đây là một loài cây thân mềm, mọc ở ven suối mà người Thái rất thích ăn. Mô típ hoa văn này như hình móc câu, nhờ trí tưởng tượng phong phú, kết hợp với đôi bàn tay khéo léo phụ nữ Thái đã biến chúng thành những chiếc cút piêu đính ở viền khăn piêu. Nhờ đó mà những chiếc khăn piêu trở nên đẹp và sặc sỡ hơn. Mô típ hoa văn móc câu còn được dùng để trang trí trong các "khoang" ô vuông đồng tâm. Nhiều chiếc khăn piêu, cả đồ án hoa văn chỉ đạo chỉ trang trí toàn hình móc câu. Nhưng với tài năng khéo léo trong việc sắp xếp, tính toán và kết hợp hài hoà, mà các lớp hoa văn đó không gây cho người xem cảm giác đơn điệu. Với bảng màu sặc sỡ của đồ án hoa văn, tưởng như các mô típ đó sẽ lấn át nhau, nhưng trái lại các mô típ đó vẫn hiện lên rõ rệt, cân đối, hài hoà.

Mô típ thứ hai cũng khá phổ biến ở khăn piêu và mặt phà đó là hình chạc cây (nga may). Hình họa chủ yếu của mô típ chạc cây ban gồm một thân cây ở giữa, các cặp cành cây mọc đối xứng hai bên, ở phần ngọn của các cành cây thường là các hình hoa hoặc hình quả được cấu tạo từ hình quả trám hay ô vuông nhỏ.

Mô típ chạc cây cũng được thể hiện ở nhiều kiểu khác nhau. Nhìn vào đồ án hoa văn chạc cây ta cảm thấy nhẹ nhàng, mặt khác gam màu ở các đồ án này dịu dàng, đơn giản nhưng rất đẹp và tài tình, ít dùng gam màu chói chang, sặc sỡ. Mô típ chạc cây ta bắt gặp được ở khăn piêu và khăn mặt truyền thống. Đó là những chiếc khăn mặt màu trắng được thêu những hình

chạc cây ở hai bên đầu khăn. Nó được cô dâu biếu kèm với khăn piêu khi về nhà chồng.

Bên cạnh đó còn có mô típ hoa xoan và hoa mướp trắng. Chúng được xuất hiện nhiều ở khăn piêu và túi Thái.

Hoa xoan (book hiên): Gồm những hình chữ thập thủng giữa nằm trong các ô hình vuông hay hình thoi xếp chéo.

Hoa mướp trắng (book co dom): là những hình quả trám xếp ché, chứa trong 4 hình chữ thập ở 4 góc.

Ngoài ra còn có các mô típ khác như: Hoa Ban (book ban), hoa bí (book ưk), hoa phay (book bên)…đó là các mô típ hoa phụ được trang trí trong khoảng cách giữa các cặp "tin xao" ở chiếc khăn piêu và trên mặt gối, nhưng cũng có khi nó lại là họa tiết chính trong các đồ án hoa văn này.

2.5.1.3 Các mô típ khác

Mô típ hình răng cưa: Thường thường mô típ này được trang trí đường riềm vành ô vuông ngoài cùng của đồ án hoa văn chủ đạo. Đặc biệt là ở bất cứ vùng nào thì mô típ này cũng chỉ dùng một loại chỉ màu trắng. Mô típ hình răng cưa được trang trí ở mặt phà, khăn piêu và các sản phẩm khác như túi đeo, mặt gối, địu…

Mô típ hình chữ *"V":* Loại mô típ này thường đóng vai trò mô típ chủ đạo trong đồ án hoa văn như mặt phà, khăn piêu. Có thể chia mô típ chữ *"V"* thành hai dạng: Dạng chữ *"V"* rời là những chữ *"V"* tách riêng và dạng thứ hai là dạng chữ *"V"* nối liền tạo thành đường hình răng cưa.

Mô típ hình tam giác: Tuỳ từng đồ án hoa văn mà các kiểu dạng tam giác được bố trí sắp xếp khác nhau. Có khi là các hình tam giác đứng tách riêng, có khi lại là hình tam giác kép hay liền cạnh, hoặc là xếp đối đỉnh nhau, đó là ở mặt phà. Còn ở khăn piêu thì hai hàng tam giác đối đỉnh với nhau tạo thành mô típ hoa văn rau cỏ bợ (phắc ven), có khi là cặp tam giác đối cạnh đáy với nhau tạo nên mô típ hoa văn hình quả trám. Những mô típ này thường

được trang trí ở các vành ô vuông xen với các mô típ hoa văn khác, cũng có khi những mô típ này lại là mô típ chính cho cả đồ án.

Còn riêng với mặt gối thì các hình tam giác lại đo cắt ra từ những miếng vải màu và chắp lại với nhau. Có nhiều kiểu chắp khác nhau tạo cho các hình tam giác phong phú về kiểu dáng và hài hoà về màu sắc.

Hoa văn sấp ngửa (lai khuổm hài): Đó là những đường dích dắc tạo thành những hình tam giác đối cạnh đáy với nhau, chia thành hai nửa đen - trắng đối lập. Xung quanh có đường hồi văn gấp khúc chạy làm diềm.

Ngoài ra còn có các mô típ hình chữ S và hình sao 6 cánh hay sao 8 cánh, được bắt gặp nhiều ở những chiếc khăn piêu và các hình thoi được xếp chồng lên nhau toả ra xung quanh. Hình ảnh sao 8 cánh là hoạ tiết rất phổ biến mà người Thái sử dụng. Nó xuất hiện hầu hết trên các hoa văn mặt phà và khăn piêu như một hình ảnh chính. Có lúc, sao 8 cánh chiếm hầu hết diện tích của mảng hoa văn, có lúc nó được bao bọc bởi hình vuông hay hình thoi. Đôi khi nhiều ngôi sao 8 cánh được sắp sếp thành đường diềm bao quanh một mẫu hoa văn hoặc một sản phẩm dệt.

Như vậy, đặc điểm chung của mẫu hoa văn Thái là sự kết hợp hài hoà giữa mầu sắc và hoa văn. Mỗi tấm thổ cẩm là một bức tranh sống động phản ánh đời sống, sinh hoạt của dân tộc Thái. Các màu sắc sáng, tối, nóng, lạnh được bàn tay người phụ nữ xử lý rất khéo léo và tài tình, khó có thể lẫn lộn với cách trang trí của dân tộc khác. Chúng không chói trang, đậm đặc như kiểu trang trí trên vải của người Hmông, người Dao, nhưng cũng không quá tối như các loại vải vủa người Tày, Nùng.

Người Thái thích dùng hoa văn để trang trí trên nhiều loại sản phẩm khác nhau. Hệ thống hoa văn trên các sản phẩm dệt, thêu rất phong phú và đa dạng. Tuy ở mỗi địa phương, có thể có nhiều cách trang trí khác nhau. Nhưng vẫn vận dụng chung phong cách trang trí truyền thống tộc người. Đó là sự hài hoà cân đối về bố cục, sự phong phú nhưng rõ ràng, rành mạch về mô típ và màu sắc hoa văn.

Các mô típ hoa văn Thái đều bắt nguồn từ cuộc sống lao động của họ. Nhờ trí tưởng tượng phong phú, kết hợp với đôi bàn tay khéo léo mà người phụ nữ Thái đã tạo ra biết bao sản phẩm đẹp mắt và vô cùng quý giá. Trên những tấm thổ cẩm ấy với kỹ thuật dệt, thêu, chắp ghép các mảnh vải màu, phụ nữ Thái đã miêu tả tài tình sự hoà đồng giữa con người và thiên nhiên. Thông qua đó thể hiện tâm tư, tình cảm cũng như khát vọng của con người nói chung và người Thái nói riêng.

2.1.6. Các loại sản phẩm dệt, may, thêu truyền thống

2.1.6.1. Đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày

Những sản phẩm dệt của người Thái gắn bó với họ từ thủa lọt lòng cho tới khi từ giã cuộc đời. Tất cả các đồ dùng bằng vải vóc được dùng cho mọi thành viên trong gia đình đều do bàn tay của người phụ nữ làm ra.

Đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày phải kể đến như: váy, áo cóm, khăn piêu, địu, rèm màn, rèm cửa màn, gối đệm.

Váy cổ truyền của người Thái là tấm váy tự dệt bằng vải bông và nhuộm màu chàm tím đen. Tấm váy Thái có độ dài chấm gót chân, được cắt may theo hình ống từ cạp đến gấu. Hiện nay họ không dùng vải dệt nữa mà mua váy làm sẵn ở trên thị trường bằng lụa hay vải nhung màu tím than, ở chân váy điểm xuyến một vài hoa văn, thường là hoa văn hoa, lá. Mép dưới ở bên trong lòng váy thì khâu một táp vải, bề rộng 2-3cm, màu phổ biến là màu đỏ. Nhờ đường diềm ấy mà thân váy đứng và chân váy cứng làm tăng thêm sự uyển chuyển và duyên dáng của thân hình.

Để tôn thêm vẻ đẹp của tấm váy, chiếc áo ngắn bó sát thân của phụ nữ Thái, "*sửa cóm"* đã trở thành một nhân tố không thể thiếu của bộ y phục phụ nữ Thái. Trước đây, phụ nữ Thái thường dùng một loại sửa mà nay ít thấy dùng phổ biến, đó là loại "*sửa hổm nôm*" (yếm). "*sửa hổm nôm*" được tạo bởi tấm vải hình chữ nhật gấp đôi lại, khoét một lỗ hình tròn ở chỗ mép gấp.

Hiện nay thì loại áo cóm ngắn, có hàng cúc bướm giữa ngực rất phổ biến, được người phụ nữ Thái mặc hàng ngày cũng như các dịp hội hè, lễ tết…

Đi kèm với váy và "*áo cóm",* để có được một bộ trang phục hoàn chỉnh thì không thể thiếu được chiếc khăn piêu. "Piêu" được người phụ nữ Thái sử dụng để che đầu khi đi nắng, gió, làm ấm mái đầu khi mùa đông giá lạnh và khi "piêu" còn được dùng làm khăn quàng cổ giữ ấm vào mùa đông.

Không chỉ có vậy *"piêu"* còn là vật trang sức quan trọng của các cô gái Thái trong sinh hoạt hàng ngày, nhất là trong lúc đi chơi hay trong hội lễ.

Bộ vật dụng cần cho ngủ bao gồm: Đệm nằm *(xứa*), chăn (*pha*), gối *(mon),* rèm màn (*dắn)* và rèm cửa màn (man). Đây là những sản phẩm không những phục vụ trực tiếp cuộc sống của đồng bào mà còn là sản phẩm tượng trưng cho sự chăm chỉ và giầu có hoặc biếng nhác, nghèo nàn. Đã chăm chỉ, giàu có và khéo léo thì phải có những chồng chăn đệm xếp thành từng tầng ở mé đầu gian ngủ, như câu tục ngữ:

…Còng xứa piêng pha
Cong pha piêng thản
(Đống đệm cao bằng vách
Đống chăn cao sát gác quá giang)…

Từ lâu đệm Thái đã nổi tiếng là bền, ấm và đẹp. Bởi vì thế khi bước vào cơ chế thị trường, sản phẩm này đã nhanh chóng trở thành mặt hàng được nhiều người ưa chuộng. Đệm bông gạo là loại đệm được sử dụng nhiều nhất và xếp vào loại A bởi chất lượng của nó vừa mềm, đẹp lại vừa bền.

Chăn Thái cũng mang những sắc thái văn hoá tộc người. Ruột thì làm bằng bông vải bật phồng và được can các đường chẻ ngang, dọc, chéo tạo thành tấm. Mặt ngoài chăn (*nả pha*) là chỗ thể hiện ra bên ngoài những ý niệm thẩm mỹ nên được khâu phủ bằng tấm thổ cẩm.

Gối Thái làm rất khéo, có hình hộp chữ nhật chiều dài 30-50cm, lõi nhồi bằng bông gạo, cỏ ranh, bông lau như đệm nên rất mềm.

Bộ để ngủ còn có rèm màn và rèm cửa màn. Thân rèm xưa thường làm bằng vải chàm đen hoặc các loại vải dệt hoa kẻ sọc. Một dải vải trang trí chạy viền ở đỉnh mang tên là "đầu rèm" (*hua man*) làm bằng vải thổ cẩm hoặc bằng vải hoa văn ghép. Đó là cách lấy các miếng vải màu trắng, xanh, đỏ, tím, vàng…khâu ghép lại thành từng ô vuông cắt chéo tạo ra các tam giác màu mè xen kẽ, trông sặc sỡ và vui mắt.

Đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày không thể không kể đến địu (*là*). Phụ nữ Thái rất chú ý đến mặt địu. Từ khi còn mang thai, chị em đã chuẩn bị vải làm địu trong đó có phần mặt địu.

Mặt địu là một đồ án hoa văn sặc sỡ. Thường thường đồ án hoa văn được tạo nên bởi cách chắp các mảnh vải hình tam giác lại với nhau trông rất đẹp mắt.

2.1.6.2. Trong cưới xin

Đám cưới là mốc quan trọng trong cuộc đời của mỗi con người và đánh dấu sự trưởng thành của người thanh niên Thái. Những sản phẩm vải vóc rất quan trọng, không thể thiếu trong sinh hoạt hàng ngày và trong đám cưới thì nó lại càng trở nên quan trọng hơn, đã trở thành lệ chung cho tất cả các đám cưới của người Thái.

Trong ngày cưới, cô dâu mặc chiếc *"xửa cóm"* màu chàm mới nhất của mình. Chiếc *"xỉn"* (váy), "*xài èo"* (thắt lưng) mới hôm đó cũng được đưa ra sử dụng. Bộ áo, váy…mặc trong ngày cưới là bộ được cô dâu chuẩn bị từ trước rất cẩn thận. Khác với ngày thường, hôm cưới cô dâu khoác lên mình một chiếc "xửa chai" (áo dài) hay "*xửa luông"* (áo lớn). Chiếc áo dài được cô gái chuẩn bị cho mình sau khi đôi trai gái và hai gia đình chắc chắn ưng thuận xây dựng hạnh phúc trăm năm cho họ. Việc chuẩn bị áo dài trong ngày cưới của mình là hạnh phúc của những cô gái đi lấy chồng.

Theo quan niệm truyền thống của người Thái *"xửa chai*" là áo đại lễ, áo mặc có tính chất sang trọng, thiêng liêng đối với người con gái. Vì lẽ đó mà việc cắt, may "*xửa chai*" không phải là việc làm bình thường, ngẫu nhiên,

muốn làm lúc nào cũng được. Những người thân thiết trong gia đình (ông bà, bố mẹ…) rất coi trọng ngày "khởi công" cắt may "*xửa chai*" của người con gái. Bởi người Thái quan niệm ngày bắt đầu cắt may "*xửa chai*" mặc hôm cưới có ảnh hưởng đến hạnh phúc sau này của người con gái. Ngày cắt, may "*xửa chai*" phải là "ngày tốt" không được "khởi công" vào "ngày xấu".

"*Xửa chai"* được làm bằng vải màu chàm. Về cơ bản giống chiếc áo dài của người Kinh.

Trong ngày cưới cô dâu dùng chiếc *"piêu*" mới nhất, đẹp nhất mà mình đã từng chuẩn bị công phu. Hôm ấy cô dâu có thể đội, quấn hoặc quàng *"piêu"* qua cổ buông xuống trước ngực.

Món quà đặc biệt hôm ấy cô dâu tặng bố mẹ chồng là chiếc *"xửa hiếu*" (áo hiếu). Việc tặng "áo hiếu" là sự bày tỏ lòng hiếu thảo, biết ơn, cầu chúc những điều tốt lành của cô dâu với người sinh thành, nuôi dưỡng, giáo dục chồng mình, những người đã mang lại hạnh phúc cho mình. "*Xửa hiếu*" được làm bằng vải đỏ, xẻ ngực, nẹp vào gấu áo viền vải khác màu (xanh, đen….). Trước khi đi làm dâu, các cô gái đều dệt, may "*xửa hiếu*".

Quà tặng của cô dâu, thứ đến là những chiếc *"piêu"*. Bởi "piêu" là một trong những "hiện vật" trong "sưu tập" trang phục do chính bàn tay, khối óc cô dâu làm nên. Việc tặng *"piêu*" là tiêu chuẩn đánh giá phẩm hạnh của người con gái trước khi cô về nhà chồng. Nhìn vào "*piêu*" họ có thể đánh giá được cô gái đó là người chăm chỉ, khéo léo hay lười biếng, vụng dại…

Con dâu biếu khăn piêu bố mẹ chồng và họ hàng bên nhà chồng, khăn piêu thêu đẹp được bên nhà chồng vui vẻ đón nhận và ca ngợi:

Bên đì nhọn khòng khan piều siếu
Pùn tánh tỏn khòng paự piều siếu, khằn lao
Tênh dương khằn đì phải him đành phưm pét
Măn men phải lục lả, pắn vay té mưa nham sào
Chương đành đáo khép khèo hưa hướng tà nạ
Piều cút hả, cút xí lành đao, po pú ào cánh me da

lua cọ chí hùa nhủng

Ẳn va đồi khăn lao, siếu sồn mày cáp căm đành đượn

Pạ chang hưởn chang dượn néo đau cài cờ

Chắng ma chang tìn mứ siếu sồn hún côn, tìn mà

Chang siếu giỏi sồn mánh tánh dàm hươn

Dịch nghĩa:

Chọn ngày lành con biếu quà bố mẹ

Bố mẹ sẵn sàng đón nhận khăn piêu chỉ hồng

Có cả vải viền đỏ, viền xanh

Là của con làm lúc là con gái

Piêu chỉ đỏ, lẫn chỉ hồng đẹp lòng cậu dì

Khăn cút năm, cút bốn đỏ tươi

Bố mẹ chồng ai ai cũng cười tủm

Vì đôi khăn đẹp vừa lòng mẹ cha

Sao con khéo léo đôi tay thêu thùa

Thêu thùa các kiểu hình hoa, hình người

"*Piêu"* để tặng có nhiều loại. Mỗi loại "*piêu*" được dùng để tặng cho từng đối tượng khác nhau trong mối quan hệ cụ thể với cô dâu. Người Thái có câu:

... Cút xam nhương me pả

Cút hả nhương me lua

Dịch nghĩa:

Piêu ba cút để dành tặng bà bác

Piêu năm cút để dành tặng thím…

Việc tặng những chiếc khăn "*piêu*" đó đều mang ý nghĩa bày tỏ tình cảm hiếu thuận, kính yêu của người dưới đối với người trên, vừa mang ý nghĩa ra mắt của cô dâu mới về xin được nhận làm con cháu trong gia đình. Qua đó cũng khẳng định được giá trị của mình đối với nhà trai, sự chăm chỉ,

khéo léo của cô sẽ được đánh dấu mốc đầu tiên trước khi bước vào nhà chồng.

Đồng thời trong ngày cưới, nhà trai sẽ mang đến nhà gái chăn, đệm, gối…và cũng là của hồi môn cho hai vợ chồng trẻ. Số lượng chăn, gối, đệm…càng nhiều sẽ càng chứng tỏ được sự giàu có, vị thế của nhà trai trước nhà gái và cộng đồng. Đây là những đồ vật không thể thiếu được trong ngày trọng đại này.

Bộ quần áo cưới của chú rể không cầu kỳ như cô dâu. Đó là bộ quần áo màu chàm, được cắt, khâu cẩn thận, nhuộm đẹp. Áo nhất thiết phải có "quả chỉ" và mặc vừa vặn với người mình.

2.1.6.3. Trong tang ma

Trong quan niệm của người Thái, chết tức là khi hồn lìa khỏi thể xác và khi chết đi tức là về "*mường ma",* là đi lên "*mường trời*". Đám ma là lễ đưa người chết về các mường đó. Đám tang là biểu hiện của nếp sống văn hoá, biểu hiện của những tập quán truyền thống, của nhận thức về cái chết và các mối quan hệ thân tộc, xã hội của những người sống đối với người chết. Qua đám tang, hàng loạt những yếu tố văn hoá được biểu hiện. Vai trò của nghề dệt, may truyền thống trong đám tang của người Thái ở Noong Bua được thể hiện rõ nhất trong trang phục tang lễ của từng thành viên trong gia đình, họ hàng và những vật dụng chẩn bị cho người chết.

Khi trong gia đình không may có người chết, lúc đó người phụ nữ Thái sẽ đảm nhiệm việc lo chuẩn bị tang phục cho các thành viên trong gia đình và họ hàng. Bởi tang phục không phải là loại làm sẵn vì đó là điều rất kiêng kị.

Vải để may quần áo tang thường có màu chàm, trắng, đỏ … Tùy đối tượng trong mối quan hệ với người chết mà có màu áo, kiểu áo tương ứng.

Sau khi bắn ba phát súng lên trời báo hiệu nhà có tang, người chết được tắm rửa sạch sẽ, mặc quần áo mới, phủ vải trắng toàn thân. Trước khi đặt thi hài vào áo quan để niệm, người Thái phủ lên mặt người chết chiếc khăn piêu gọi là "*piêu pốc nả"*. Nếu là nam giới thì đậy một chiếc "*piêu"* và thi hài

được mặc thêm "*xửa hi*", nữ giới thì đậy thêm chiếc thứ hai lên đầu như khi còn sống vẫn đội và được mặc thêm áo dài "*xửa chai*". Nếu người phụ nữ là con dâu cả thì khi bố mẹ chồng chết phải mặc áo dài màu chàm đen và đội "*piêu"* đen như ngày thường để "*hầu"* bố mẹ chồng.

Chiếc áo dài "*xửa hi"* là chiếc áo bố chồng mặc lúc chết. Đây là chiếc áo con dâu cả tặng trong ngày cưới.

Trong tang lễ, người Thái còn sử dụng loại áo "*xửa hiếu luông"* (áo hiếu). *"Xửa hiếu luông*" được làm bằng vải đỏ, xẻ ngực, nẹp vào gấu áo viền vải khác màu. Trước khi đi làm dâu, các cô gái đều dệt, may "*xửa hiếu luông*". Nếu nhà chồng cả bố, mẹ còn sống thì con dâu phải may cả hai "*xửa hiếu luông*" để mặc cúng ma cho bố mẹ chồng khi chết và treo ở nhà mồ với ý nghĩa để cho bố mẹ chồng "mặc" khi lên "*Mường Then"*. Người Thái quan niệm người chết lên mường trời phải có "*xửa hiếu luông*" mới được người mường trời quý trọng.

Trang phục của người Thái có một loại áo đặc biệt là "*xửa nhinh*"(áo nhỏ). *"Xửa nhinh*" trước đây nguyên là áo nam, nữ vẫn thường sử dụng khi trời rét. Theo quan niệm truyền thống *"xửa nhinh*" là nơi trú ngụ hồn người khi chết nhưng chưa kịp lên mường trời. Do vậy*"xửa nhinh*" phải được treo ở nhà mồ cho hồn trú ngụ.

Đối với nam giới họ thường mặc áo chùng khi trong nhà có tang bố, mẹ. Thực chất đây là những tấm vải được khâu ghép sườn, can tay, áo sổ gấu, cổ khoét sâu, cúc bằng dây vải. Áo này không khâu gấu, trên dưới rộng bằng nhau. Nam giới để tang quấn khăn trắng quanh đầu.

"*Nhà mồ*" của người Thái Đen ở Tây Bắc nói chung và ở Noong Bua nói chung thường được dựng là một ngôi nhà sàn nhỏ, bên trong nhà sàn dải chăn, đệm, vải vóc, khăn piêu và xếp đồ đạc của người chết như nơi ở của người sống. Đặc biệt, ở gần mộ họ dựng "*co heo*" (cây phướn) rất cao, tầm 5-6m và treo vải đủ các màu (trắng, đỏ, xanh..). Với ý nghĩa làm cầu nối để người chết về với "*Mường Then*"(mường trời)

2.1.6.4. Sản phẩm mới

Bên cạnh những sản phẩm truyền thống vẫn được lưu giữ và sử dụng hàng ngày thì trên thị trường hay chính trên những ngôi nhà sàn đã xuất hiện những sản phẩm mới không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của đồng bào nơi đây. Đó là các sản phẩm như ga trải giường, tấm đệm lót ghế hay tấm đệm cao có thể thay thế ghế mây và kèm theo đó là sự ra đời của ví thổ cẩm hay túi thổ cẩm bán trên thị trường và được khách du lịch rất ưa thích.

Hiện nay thì người Thái không dệt và tự may váy nữa mà họ ra chợ mua.

Cô Lò Thị Ơn (37 tuổi) cho biết: "những chiếc váy mua ngoài chợ vừa đẹp, vừa tiện, nhiều kiểu dáng mà giá cả lại rất phải chăng (giao động từ 50-120 nghìn), không phải mất nhiều thời gian dệt những chiếc váy như trước nữa"

Như vậy, các sản phẩm vải vóc là vật không thiếu trong cộng đồng dân tộc Thái, từ lúc họ sinh ra đến khi họ mất đi. Nó cần thiết trong từng hoạt động sinh hoạt của cá nhân và cộng đồng, có mặt trong tất cả những ngày lễ lớn và trọng đại của cộng đồng. Điều đó cho chúng ta thấy vị trí cốt yếu và quan trọng của nghề dệt, may trong đời sống kinh tế - văn hoá đồng bào dân tộc Thái.

2.1.7. Tiêu thụ sản phẩm

Nghề dệt thổ cẩm truyền thống vốn có từ lâu đời trong đời sống đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Bắc nói chung và ở Noong Bua nói riêng, nhưng để các sản phẩm mang tính chất tự sản, tự tiêu chủ yếu phục vụ cho tiêu dùng từ nhà ra thị trường và trở thành hàng hoá thì cũng chỉ bắt đầu từ mấy năm trở lại đây. Trước đây khi kinh tế chưa phát triển, sản phẩm thổ cẩm được làm ra chủ yếu để phục vụ nhu cầu trong gia đình, làm của hồi môn khi con gái về nhà chồng và một phần để trao đổi theo phương thức vật đổi vật, phụ thêm cho kinh tế gia đình. Thường thì họ đổi vải vóc và các đồ dùng sinh hoạt khác để đổi lấy ghế mây, bem (hòm), sàng gạo (*sầng khẩu*)… từ các dân tộc như

người Lào, người Khơ Mú...trong và ngoài bản khác. Ngày nay, khi kinh tế thị trường đã phát triển, thổ cẩm đã có mặt trên thị trường, thậm chí còn được người tiêu dùng ở các thành phố lớn yêu thích. Từ khi kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ thì hoạt động du lịch mới bắt đầu phát triển và trở thành điểm đến của khách du lịch trong nước và quốc tế. Đi đầu trong số này phải kể đến phường Noong Bua, với việc thành lập và duy trì hoạt động tổ hợp tác dệt thổ cẩm do hội phụ nữ đứng ra thành lập, thu hút gần 100 thành viên với 30 khung dệt và tạo ra các sản phẩm như: Túi thổ cẩm, khăn piêu, ví thổ cẩm, mặt chăn…Những sản phẩm này được bán ra thị trường và trở thành những món quà lưu niệm đầu ý nghĩa của khách du lịch đến thăm Điện Biên.

Điều đáng quý là việc duy trì nghề dệt thổ cẩm truyền thống được lãnh đạo phường Noong Bua rất quan tâm và coi trọng. Họ xem đây như một việc làm không chỉ đơn thuần góp phần bảo tồn các giá trị truyền thống của cư dân bản địa mà còn là một cách giải quyết công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập và góp phần xoá đói giảm nghèo cho đồng bào trong những lúc nông nhàn.

Sản phẩm dệt thổ cẩm của hợp tác xã sản xuất nhiều hay ít phụ thuộc vào đơn đặt hàng ở các cửa hàng và khu tham quan du lịch. Không những thế hợp tác xã còn đến các địa điểm tham quan du lịch như: Đồi A1, tượng đài chiến thắng, bảo tàng thành phố Điện Biên, hầm Đại tướng Võ Nguyên Giáp… để mở cửa hàng bán đồ thổ cẩm với các mặt hàng rất phong phú và đa dạng: khăn piêu, túi thổ cẩm, túi Thái, ví thổ cẩm... nhờ đó mà chị em có thêm thu nhập.

Thu nhập bình quân mỗi tháng của mỗi thành viên 400.000 nghìn, còn tuỳ thuộc vào đơn đặt hàng nhiều hay ít, có tháng đặt hàng nhiều thu nhập có thể tăng lên 600.000 nghìn /người.

Cô Lò Thị Hoa, trưởng nhóm dệt thổ cẩm cho biết: Năm du lịch Điện Biên Phủ, khách đến thăm Điện Biên nhiều, đặc biệt là khách nước ngoài, ngày nào cũng có vài đoàn đến tìm hiểu và mua sản phẩm. Biết thổ cẩm ở đây

họa tiết đẹp, chất lượng, nhiều chủ cửa hàng ở chợ trung tâm I, thành phố Điện Biên Phủ vào tận nơi đặt hàng để bán cho khách du lịch.

Chị Lương Thị Biên, chủ cửa hàng bán thổ cẩm tại phường Noong bua cho hay: Phần nhiều hàng thổ cẩm ngoài thị trường hiện nay không rõ nguồn gốc nên chất lượng vải không tốt, đường may không chắc…nhiều khách du lịch do không biết nên mua nhầm. Với thổ cẩm ở Noong Bua có sự độc đáo riêng, đó là họa tiết phong phú, đúng với bản sắc dân tộc. Bởi thế phần lớn quần áo, tấm ga, khăn piêu…của cửa hàng chị đều được nhiều khách hàng đặt mua với số lượng lớn.

2.2. Vai trò của nghề dệt may trong đời sống người Thái

Hình ảnh những cô gái Thái xinh đẹp "*khắp*" (hát) rất hay, múa xoè rất giỏi, đồng thời cũng là người dệt thổ cẩm tài hoa, đang mải mê bên khung cửi, kiên nhẫn dệt từng đường vải, thêu từng hoa văn, khéo léo đẩy con thoi, luồn sợi chỉ…đã trở thành biểu tượng văn hoá đẹp và sống động của vùng đất du lịch Điện Biên.

Từ bao đời nay, thì việc trồng bông, nuôi tằm, dệt vải, thêu thùa đã gắn với vai trò người phụ nữ. Tuy phần lớn việc trồng bông là của hai vợ chồng, nhưng sau đó từ chăm sóc, thu hoạch đến chế biến bông đều do những người phụ nữ đảm nhiệm. Chu trình sản xuất để chế biến bông thành sợi dệt vải bao gồm rất nhiều khâu như: chọn bông, cán bông, bật bông, quấn bông, xe sợi, dệt vải…đòi hỏi người phụ nữ phải tốn nhiều thời gian và công sức. Vì thế việc trồng bông, dệt vải được tiến hành hầu như quanh năm trong những thời gian rảnh rỗi. Người đàn ông chỉ giúp người phụ nữ làm khung cửi.

Trong xã hội cổ truyền của người Thái không có thợ cắt may chuyên nghiệp, nhưng để cắt may các loại trang phục cho các thành viên của gia đình và cộng đồng. Người cắt may trang phục chính là những phụ nữ của từng gia đình- những người mẹ, người chị, nàng dâu, em gái. Từ lâu đời mỗi gia đình đã hình thành sự phân công lao động theo giới tính. Trong các "tế bào" gia đình, nam giới thường làm đồ mộc, đan lát, rèn…Phụ nữ là người lo công

việc canh cửi, cắt may sản xuất trang phục và những đồ dùng bằng vải khác (chăn, màn, rèm, đệm…)

Đặc biệt hơn nữa, nghề dệt thổ cẩm không chỉ là sự phân công lao động giản đơn giữa nữ giới và nam giới, mà nó đã trở thành tiêu chuẩn đánh giá phẩm hạnh của người con gái Thái:

Khuổm mư pền bó Cai
Hài mư pền bó Tong khày cản
Khảu bản chu côn len ma dòm

Dịch nghĩa :

Úp tay thành cành hoa đào nở
Mở bàn tay thành chùm hoa gạo
Qua đến bản bao người vui đón

Hay:

Trang pắn phải saứ lót lót
Trang tót saứ điềng điềng
Chuông nay cánh khền bơ chán
Côn mứn bản co ín sường lường
Côn tênh mương co ín sường pom

Dịch nghĩa :

Em khéo se sợi nhịp nhàng
Dồn se sợi luôn tay thoăn thoắt
Dân trăm bản cùng khen em khéo léo
Trai khắp mường mong được em yêu

Đó là sự ca ngợi bàn tay khéo léo của những cô gái Thái khi chưa lấy chồng. Cô giỏi dệt vải, giỏi thêu khăn thì đi đến đâu cô cũng được mọi người yêu quý, bao chàng trai muốn lấy cô làm vợ. Thật đáng tự hào là một trong ba hình ảnh đẹp nhất trên đời theo quan niệm của người Thái, có hình ảnh người phụ nữ trong công việc dệt vải, thêu thùa:

"Ở đời những gì đẹp nhất
Có ba thứ đẹp nhất:
Ánh nắng cài vào vách núi đá
Cánh đồng to đất tốt vòng quanh chân bản

Cô gái khéo dệt vải, thêu khăn"...

Người Thái rất coi trọng dư luận và khen, chê rất rõ ràng. Họ khen, ca ngợi những cái tốt, cái đẹp và đồng thời cũng chê cái xấu, những người lười biếng, vụng dại. Người lười nhác thì không có gì để mặc đẹp, và nếu có mặc đẹp đi nữa thì cũng không được cộng đồng Thái coi trọng. Ngược lại những người siêmg năng, chịu khó, chăm chỉ thì dù có nghèo, có ăn mặc rách thì chẳng ai cười chê. Những cô gái đó họ giành hết lời ngợi ca:

"Ngón tay thon em hãy đưa kim
Ngón tay muốt em hãy đưa thoi dệt cửi
Thêu thùa khăn lụa thanh sao tua rua
Mặt thắm hoa ké cửi canh nhà chú
Mình tươi hoa sen thêu may nhà cô
Đội thanh dân quý diện thăm nhà chồng
Chẳng ai như gái nõn chẳng biết cắt áo
Lượn rong chộch thiên hạ cười chê
Mặt trăng đẹp mà đường kim may vụng về
Mặc toàn của mua ngoài tưởng báu
Nào ai khen đâu lũ nhà giầu khoe
Em yêu hãy se sợi nhỏ săn như sợi mưa
Hãy thêu khăn đào như rồng bay
Cắt nhát kéo cho lụa biến thành phượng múa
Cho người xa phương cậy nhờ"

Khi đã có gia đình thì công việc dệt vải, lo cái mặc cho cả gia đình là thước đo đạo đức của người vợ, người mẹ:

... Mặc phùa chong dệt phải
Hặc lụ chong máy, nhịp

Dịch nghĩa:

Yêu chồng năng dệt cửi
Thương con chăm vá may

Cuộc sống của cộng đồng Thái cho thấy, người phụ nữ ngoài việc cùng nam giới lo cái ăn cho gia đình thì trong cái mặc họ phải lo một mình. Đó là trách nhiệm cũng như là niềm hạnh phúc của người phụ nữ Thái.

Đến với Noong bua ta thường bắt gặp hình ảnh các cô gái Thái xinh đẹp dịu dàng đang miệt mài bên khung cửi, lách cách tiếng thoi đưa rộn rã. Thỏa thích ngắm nhìn và chọn lựa những mặt hàng thổ cẩm mang đậm dấu ấn của văn hóa Thái rực rỡ sắc mầu, đa dạng về mẫu mã, chủng loại như váy áo, khăn thêu, đệm nằm, chăn, gối... ngay dưới chân cầu thang nhà sàn. Họ đang dệt đất nước, quê hương, bản mường thành bức tranh tuyệt mỹ, điều đó cũng đúng với quan niệm của người Thái ở Noong bua từ xưa đến nay cho rằng, cô gái đẹp nhất là cô gái khéo dệt vải, thêu khăn.

Người phụ nữ Thái ngày trước gần như ai cũng thạo việc thêu thùa. Việc thêu thùa gần như là lẽ đương nhiên đối với cuộc sống của họ. Nghề dệt may được lưu truyền qua nhiều đời và phần nhiều do người mẹ truyền dạy cho con gái. Trước đây khi kinh tế chưa phát triển, sản phẩm dệt may được làm ra chủ yếu để phục vụ nhu cầu trong gia đình, làm của hồi môn cho con gái về nhà chồng, và một phần để trao đổi theo phương thứcvật đổi vật, phụ thêm cho kinh tế gia đình. Ngày nay kinh tế phát triển, ngành công nghiệp dệt may phát triển khiến cho cái mặc hàng ngày của đồng bào có phần sung túc. Các thiếu nữ dân tộc ngày càng đẹp hơn trong những trang phục sản xuất bằng chất liệu công nghiệp, kiểu dáng hiện đại, rẻ và tiện lợi. Thế nhưng đi cùng với nó là nguy cơ mai một nghề truyền thống dệt may. Nhiều gia đình người Thái ý thức được điều này nên đã và đang phục hồi lại nghề dệ may, truyền dạy lại cho con cháu. Họ cho rằng cái nếp của ông bà, ấy là con gái phải biết xe tơ, dệt vải, đi lấy chồng là phải biết lo cái mặc cho gia đình chồng nên không thể để mất.

Giữ được nghề dệt may là giữ được những nét văn hóa cổ truyền của người Thái. Nếu biết kết hợp giữa tính dân tộc và tính hiện đại thì nghề dệt

may ở Noong Bua – Điện Biên sẽ tạo được những mặt hàng kinh tế cao, có giá trị trên thị trường. Người Thái – Noong Bua tự hào về sản phẩm dệt may của mình. Qua bao đời nay chứng tỏ một điều nghề dệt may là thứ không thể thiếu trong đời sống vật chất và tinh thần của người Thái. Nó là biểu tượng văn hóa Thái.

2.3. Biến đổi của nghề dệt, may ở Noong Bua

2.3.1. Những biến đổi của nghề dệt

Trong nhưng năm cuối thế kỷ 20, nghề dệt, thêu truyền thống của người Thái ở Điện Biên nói chung và ở phường Noong Bua nói riêng vẫn còn tồn tại. Hiện nay dưới sức ép của cơ chế thị trường và sự thay đổi trong nhu cầu người sử dụng mà nghề dệt cũng có sự biến đổi đáng kể.

Trước hết là biến đổi trong nguyên liệu của sợi để dệt vải: Trước đây tất cả các bản trong phường đều có nghề trồng bông, trồng dâu nuôi tằm để ươm tơ và hầu như nhà nào cũng kéo sợi, dệt vải. Tuy nhiên hiện nay nghề trồng bông, trồng dâu nuôi tằm ở các bản đã bắt đầu tàn lụy. Sợi bông, sợi tơ tằm được thay thế bằng sợi mậu dịch. Xưa kia, để có được một tấm vải, người thợ dệt thường làm từ khâu đầu đến khâu cuối, nghĩa là họ tự cán bông, sau đó kéo sợi, se sợi, hồ sợi và cuối cùng là dệt. Nhưng từ vài chục năm nay họ đã bỏ dần việc kéo sợi và chủ yếu ra chợ mua sợi công nghiệp về dệt.

Qua khảo sát ở các bản: Noong Bua, Phiêng Bua, Khe Chít, Hồng Lứu thì 98% chị em cho rằng sợi công nghiệp dễ dệt mà giá cả cũng chấp nhận được (…/ cân), và không tốn nhiều thời gian, công đoạn như trước kia. Do vậy cho nên việc dùng sợi công nghiệp được chị em phụ nữ dễ dàng chấp nhận. Tuy nhiên họ cũng cho rằng sợi công nghiệp dễ đứt và không bền như sợi tự nhiên. Nhưng bù lại nó đem đến cho người thợ dệt sự thuận tiện, giá thành rẻ, lại rút gọn được nhiều thời gian, người phụ nữ cũng đỡ vất vả hơn.

Trước đây, người Thái ở đây nhuộm sợi bằng một số loại cây cỏ ứng với màu sắc mà mình cần, còn vải thì được nhuộm chàm. Từ những năm 90

trở lại đây ở các chợ đã có bán nhiều loại thuốc nhuộm công nghiệp với đầy đủ các loại màu sắc nên họ đã dần bỏ đi loại thuốc nhuộm có trong tự nhiên.

Nghề dệt của người Thái ở Noong Bua hầu như không có sự thay đổi nào đáng kể về công cụ cũng như kỹ thuật. Người dân địa phương cho biết: Những chiếc khung cửi họ đang dùng có cấu tạo giống hệt loại khung cửi cổ truyền, chỉ khác là nó cao và dài hơn trước một chút. Mặc dù làm hoàn toàn theo lối thủ công nhưng năng suất dệt không quá thấp.

Cô Lò Thị Thoa – một người dệt giỏi trong bản Noong Bua cho biết: nếu nhàn dỗi thì dệt một khung cửi thì mất 15 ngày, còn nếu bận thì phải đến 1 tháng. Nhưng nếu dệt trơn thì nhanh hơn, chỉ mất khoảng 7 ngày, còn dệt một cuộn vải có hoa văn thì mất 12 ngày.

Trong xã hội truyền thống của người Thái, biết dệt vải hay không là một tiêu chuẩn rất quan trọng để đánh giả phẩm hạnh của người phụ nữ. Con gái lớn mà không biết dệt vải sẽ bị mọi người cười chê, cho là lười biếng, vụng về và do đó rất khó lấy chồng. Vì thế, có thể nói đã là phụ nữ Thái thì ai cũng biết dệt vải, thêu khăn"piêu". Ngay từ lúc còn nhỏ từ 5-6 tuổi các bé gái đã bắt đầu làm quen với việc nhặt bông theo mẹ, theo chị và theo "chúng bạn cùng phường" và đến khi 13-14 tuổi đã bắt đầu ngồi vào khung dệt, đến 14-15 tuổi đã dệt, thêu khá thành thạo các đồ án hoa văn từ đơn giản đến phức tạp.Tuy nhiên hiện nay theo người dân địa phương thì con gái trong các bản biết thêu, dệt còn lại là rất ít. Mỗi bản có hơn 70 nóc nhà nhưng chỉ có khoảng 4, 5 người con gái biết dệt, thêu.

Một sự biến đổi nữa đó là sự biến đổi trong các sản phẩm dệt: Nghề dệt truyền thống của người Thái tạo ra nhiều sản phẩm khác nhau, mỗi sản phẩm đều có những nét độc đáo riêng của nó. Từ những tấm vải dệt trơn, hoa văn họ đã tạo ra các sản phẩm như mặt chăn, gối, diềm màn, diềm cửa buồng, địu…Ngoài ra nghề dệt của người Thái nơi đây còn có một số sản phẩm mới rất được ưa thích như những chiếc túi thổ cẩm với đầy đủ màu sắc, những chiếc túi Thái dệt có chữ"Kỉ niệm Điện Biên Phủ" được khách rất ưa thích.

Ngoài ra còn cónhững miếng đệm dệt để ngồi thay thế cho ghế mây, miếng đệm này cao 40cm, đường kính 30cm với các màu xanh, đỏ kết hợp.

Khi hỏi giá thành của những sản phẩm này cô Quàng Thị Lún (40 tuổi), cô là thành viên của nhóm dệt thổ cẩm của hội phụ nữ phường Noong Bua cho biết:

Một chiếc túi thổ cẩm có giá-từ 40-50.000 đồng.

Một chiếc túi Thái có giá từ 80-90.000 đồng.

Một chiếc đệm ngồi có giá 100.000 đồng.

Một sự biến đổi nữa đó là hoa văn trên các sản phẩm dệt, thêu: Nghề dệt thêu của người Thái nơi đây vẫn còn giữ được nhiều mẫu mã hoa văn truyền thống như hoa văn hình móc câu(rau rớn), hoa văn hình con chim (tô nộc), con bướm (tô cáp bửa), con rết (to chắc khếp), hình ngôi sao 8 cánh, 6 cánh, hinh quả trám…Bên cạnh đó xuất hiện các hoa văn mới, đơn giản hơn trước: hoa chùm, móc xích, quả trám, hạt bông. Với các mẫu này người dệt có thể đạt năng suất và thu nhập cao hơn là dệt, thêu các mẫu hoa văn cũ. Ngoài ra, còn có các mẫu hoa văn mới từ các nơi khác đến được du nhập vào, làm phong phú thêm chủng loại cũng như mẫu mã hoa văn cũ. Đây cũng chính là nét biến đổi dễ thích ứng với điều kiện kinh tế thị trường. Một điều lý thú là, trong những năm trở lại đây, người Thái với nghề dệt thủ công của mình đã tạo ra sự hòa nhập đầy sáng tạo giữa cái riêng của nghề dệt cổ truyền và cái mới của văn minh công nghiệp trên cơ sở bản sắc văn hoá của dân tộc mình. Đó là việc họ đã biết kết hợp các nguyên liệu dệt công nghiệp và nguyên liệu dệt thủ công vào các bộ phận của trang phục, cũng như sự lựa chọn những màu sắc phù hợp với quan niệm thẩm mỹ của cộng đồng để cắt may trang phục, cũng như nguyên liệu công nghiệp để cắt may trang trí theo cách cổ truyền.

Trong cuộc phỏng vấn tại 2 bản: Noong Bua và Phiêng Bua thì 98% chị em phụ nữ cho rằng hàng may sẵn bằng vải công nghiệp vừa đẹp vừa tiện lợi và rẻ hơn váy, áo tự dệt may. Vậy nên, những sản phẩm dệt trước kia được sử

dụng trong đời sống hàng ngày nay bị thay thế bởi những đồ dùng hàng mậu dịch.

Ví dụ, nam thanh niên Thái ít thấy mặc quần áo truyền thống mà họ mặc quần âu, áo sơ mi, áo phông như thanh niên dưới xuôi. Phụ nữ Thái vẫn mặc váy "xỉn", nhưng chất liệu là vải lụa đen, vải nhung đen hay vải xa tanh. Nhiều khi ở nhà người phụ nữ Thái không mặc "áo cóm" mà thay vào đó là áo phông, áo sơ mi như phụ nữ người Kinh.

Tuy nhiên, trong ý thức của mỗi người họ vẫn rất trân trọng hàng dệt truyền thống của mình. Trong các dịp lễ hội, mừng nhà mới, những dịp vui của bản…họ đều mang những bộ váy và "áo cóm" đẹp nhất ra mặc. Và những sản phẩm dệt truyền thống vẫn là những thứ không thể thiếu được trong đám cưới, đám tang…như khăn "*piêu*", chăn, đệm, vải vóc..của người Thái. Những chiếc khăn "*piêu*" là vật không thể thiếu được của những cô dâu Thái khi về nhà chồng.

Một sự thay đổi nữa được coi là rất quan trọng và rất phù hợp với nền kinh tế thị trường hiện nay, đó là các sản phẩm dệt, may, thêu đã có mặt trên thị trường và đem lại giá trị kinh tế không nhỏ cho gia đình và cộng đồng Thái. Nhờ sự phát triển của du lịch mà những sản phẩm dệt, may và thêu được khách du lịch trong nước, quốc tế biết đến, qua đó quảng bá được văn hóa Thái đến với bạn bè trong nước và quốc tế.

Như vậy, mặc dù các sản phẩm dệt, may đã có nhiều biến đổi nhưng những biến đổi này hoàn toàn phù hợp với nền kinh tế hàng hóa của nước ta hiện nay. Nghề dệt nơi đây sẽ tồn tại cùng với thời gian như một minh chứng cho nền văn hóa truyền thống độc đáo này. Qua thời gian nó có thể dần thay đổi nhưng những giá trị mà nó mang lại sẽ tồn tại mãi với người Thái nơi đây.

2.3.2. Nguyên nhân biến đổi

Cùng với sự phát triển kinh tế, xã hội và sự giao lưu, tiếp xúc giữa các dân tộc, nghề dệt, may của người Thái đã có sự biến đổi rất lớn, hình thức và

nội dung cũng được thể hiện rất đa dạng, phong phú. Có 3 nguyên nhân chính gây ra sự biến đổi:

Thứ nhất là về vấn đề kinh tế:

Như chúng ta đã biết, trước đây nền kinh tế của người Thái nói riêng và các dân tộc thiểu số khác ở Tây Bắc nói chung vẫn duy trì nền kinh tế tự cung, tự cấp, sinh hoạt kinh tế chủ yếu là sản xuất nông nghiệp nghề dệt được coi là nghề phụ trong gia đình và được người phụ nữ tranh thủ làm lúc rảnh rỗi. Lúc ấy, nghề dệt chỉ đáp ứng nhu cầu mặc và sinh hoạt hàng ngày. Khi mà nhu cầu kinh tế còn chưa đáp ứng được cuộc sống thường nhật của họ thì họ chưa thể nghĩ tới việc bỏ ra một lao động của gia đình để tập trung vào công việc dệt vải.

Cho đến ngày nay, khi kinh tế thị trường phát triển kéo theo các hoạt động du lịch cũng phát triển theo. Từ đó nghề dệt đã có một hướng đi mới và được xem như là một tiềm năng để phát triển hoạt động du lịch. Nếu như trước kia các sản phẩm dệt, thêu được làm ra chủ yếu là thoả mãn nhu cầu sinh hoạt trong gia đình, thì bây giờ nó đã có mặt trên thị trường và trở thành hàng hóa đem lại giá trị kinh tế không nhỏ cho đồng bào Thái. Nhận thấy được những giá trị to lớn mà nghề dệt đem lại, người phụ nữ Thái đã từng bước cải tiến mẫu mã, chủng loại…để phù hợp với yêu cầu của thị trường.

Xã hội ngày càng phát triển thì nhu cầu của con người cũng dần tăng lên, kéo theo đó là hàng loạt các sản phẩm mới ra đời, những sản phẩm này đáp ứng được nhu cầu của đại đa số người dân. Chính vì vậy mà khi sợi mậu dịch ở dưới xuôi đem lên bán đã được đông đảo bà con chấp nhận. Họ đã sử dụng nguyên liệu này để thay thế cho nguyên liệu truyền thống trước đây là sợi bông và sợi tơ tằm.

Qua khảo sát ở 2 bản Noong Bua và Phiêng Bua thì 97% chị em phụ nữ cho rằng: mua sợi mậu dịch vừa tiện, vừa rẻ (…..), không tốn thời gian và công sức, mẫu mã và kiểu dáng lại mới lạ. Hơn nữa, họ cảm thấy không ai đánh giá cao những sản phẩm dệt từ những nguyên liệu truyền thống và nhu

cầu cần gấp về tiền trang trải cuộc sống nên họ chấp nhận việc sử dụng sợi mậu dịch là điều dễ hiểu.

Thêm vào đó là việc gia tăng dân số, đất đai thì ngày càng hẹp dần. Do đó diện tích trồng bông và trồng dâu ngày một ít đi. Một thực tế cho thấy là ngoài các nương trồng bông, dâu và chàm do hội phụ nữ đứng ra tổ chức ra thì các gia đình người Thái trong bản đã không trồng bông, trồng dâu nuôi tằm nữa. Thay vào đó, họ trồng các cây trồng khác có giá trị kinh tế cao hơn như: cây ngô, khoai tây, đậu tương…Vì họ cho rằng những mặt hàng này đã có ở chợ bán rồi không phải tốn thời gian cho việc trồng bông, trồng dâu nuôi tằm nữa, vừa tiết kiệm được thời gian cũng như công sức. Sự thay đổi như vậy là một điều tất yếu.

Hơn nữa, với sự phát triển của du lịch văn hóa mà những sản phẩm này phải làm ra nhanh để thoả mãn nhu cầu của khách du lịch.

Một nguyên nhân nữa dẫn đến sự biến đổi của nghề dệt là do sự tác động về mặt văn hoá: Trong quá trình giao lưu văn hóa để phục vụ hoạt động du lịch, bản thân các sản phẩm của nghề dệt, thêu luôn có sự cải tiến về hoa văn, kiểu dáng, màu sắc…để đáp ứng nhu cầu và thị hiếu ngày càng cao của con người.

Một điều nữa là các anh, chị người dân tộc đi thoát ly, đi bộ đội, đặc biệt là lớp trẻ đi học xa nhà khi trở về quê hương thường mặc theo kiểu của người Kinh. Hơn nữa, hàng vải, quần áo dệt công nghiệp với nhiều chủng loại, mẫu mã đẹp mắt, điều đó cũng là một sự hấp dẫn với thanh niên dân tộc. Họ ham cái đẹp, cái mới, lại tiện lợi cũng là điều không khó hiểu. Chính vì những thay đổi trong việc sử dụng nguyên liệu và các sản phẩm dệt may sẵn như vậy mà trong những năm gần đây nghề dệt của người Thái đã bị mai một đi nhiều.

Thứ 3 là ý thức thẩm mỹ của dân tộc Thái đã có sự biến đổi, nhu cầu về tinh thần và đời sống vật chất ngày một phong phú, mối quan hệ giao tiếp giữa các dân tộc và giao lưu văn hóa ngày càng được mở rộng, khiến cho

thẩm mỹ của người phụ nữ Thái đã biến đổi một cách không ý thức. Điều đó khiến cho thẩm mỹ của người sáng tạo hoa văn cũng biến đổi theo. Cho nên người phụ nữ Thái càng ngày càng sử dụng nhiều đồ án mà mình ưa thích để làm ra những hoa văn khác nhau. Những hoa văn này phản ánh đời sống đa dạng và thế giới tinh thần phong phú của dân tộc Thái. Sự biến đổi trong ý thức thẩm mỹ của phụ nữ Thái phải kể đến những chiếc "áo cóm", nhờ sự biến đổi này mà chiếc "áo cóm" trở nên đẹp và lộng lẫy hơn. Điều đó thể hiện khát vọng vươn tới cái đẹp, cái hoàn mỹ của người Thái.

Qua thời gian, nghề dệt sẽ dần biến đổi nhưng trong ý thức của mỗi người họ vẫn rất trân trọng hàng dệt truyền thống của mình. Đó không chỉ là ý thức của sự tôn trọng truyền thống cha ông, mà cả ý thức về giá trị vật chất của nó.

2.3.3. Những thách thức dối với nghề dệt may ở Noong Bua

Nghề dệt, thêu truyền thống đã tồn tại cùng với dân tộc Thái từ ngàn xưa cho đến nay và mang lại giá trị không nhỏ cho cộng đồng người Thái. Nhưng hiện nay dưới tác động của nền kinh tế thị trường, sự phát triển của khoa học kĩ thuật thì nghề dệt đang đứng trước rất nhiều khó khăn và thách thức.

Thứ nhất đó là ở một số bản như bản Hồng Lứu, Khe Chít thì nghề trồng bông cũng như nghề trồng dâu nuôi tằm đã bắt đầu tàn lụi, đến những năm gần đây thì chính nghề dệt cũng đang trong tình trạng bị mai một dần, số lượng khung cửi phủ mạng nhện cũng tăng lên và ở một số nhà trong bản họ còn phá khung cửi để làm củi.

Sở dĩ có tình trạng trên là do sự xuất hiện của sợi mậu dịch vừa rẻ lại phong phú về màu sắc, mẫu mã. Hơn nữa trong những năm trở lại đây khách du lịch cũng thưa dần và sản phẩm họ làm ra không còn bán được nhiều nữa

Nghề trồng bông, trồng dâu nuôi tằm không còn được người phụ nữ coi trọng như ngày xưa. Như vậy nguy cơ mất đi những nguyên liệu truyền thống

của nghề dệt là có thể xảy ra nếu như chính quyền địa phương không có biện pháp giải quyết hợp lý và kịp thời.

Một thách thức nữa đó là lớp trẻ hiện nay hầu như đã không còn biết dệt, biết thêu nữa. Những người biết thêu, dệt giỏi là những người bà, người mẹ dã lớn tuổi trong bản.

Hội phụ nữ phường Noong Bua đã thành lập một đội chuyên sản xuất các đồ thổ cẩm như mặt chăn, gối, túi Thái, túi thổ cẩm… Để bán cho khách du lịch cũng như làm theo đơn đặt hàng. Tuy nhiên cơ sở sản xuất thổ cẩm truyền thống này chủ yếu là nhỏ lẻ, tự phát và chưa có quy mô hướng tới sản xuất hàng hoá. Thị trường mở cửa, cơ hội nhiều nhưng thách thức cũng không nhỏ. Nghề dệt thổ cẩm bị chao đảo do chất lượng và mẫu mã sản phẩm không cạnh tranh được với các sản phẩm dệt, may khác trên thị trường. Hơn nữa, một số công đoạn như trồng bông, trồng dâu nuôi tằm, se sợi, nhuộm màu… thủ công đã được thay thế bằng việc sử dụng các nguyên vật liệu có sẵn, do đó nhiều sản phẩm chất lượng kém, chỉ dùng một đến hai lần đã có hiện tượng xù vải, bạc màu…Một điều nữa đó là đầu ra của sản phẩm, hàng hoá làm ra không có thị trường tiêu thụ, việc làm không có, đời sống người lao động làm nghề gặp nhiều khó khăn. Sản phẩm dệt thổ cẩm đang mất dần chỗ đứng ngay trên cả ở quê hương của các làng dệt, vì người dân tộc cũng đang dần chuyển sang sử dụng các sản phẩm dệt may công nghiệp.

Trong những năm gần đây dưới tác động của kinh tế thị trường với sự có mặt của hàng loạt vải công nghiệp và đồ may sẵn, vừa rẻ tiền vừa tiện lợi hơn. Đứng trước nguy cơ đó, nghề dệt và các loại đồ vải truyền thống của người Thái ở Noong Bua nói riêng và Điện Biên nói chung bị mai một dần. Ở một số bản gần trung tâm thành phố chính người Thái đã không thích, cũng như không sử dụng trang phục và các sản phẩm dệt khác của mình nữa, còn những gì nghề dệt của họ tạo ra chủ yếu để phục vụ cho khách du lịch và để dành cho những dịp quan trọng của gia đình và cộng đồng như đám cưới, lễ tết, đám tang…

Tuy nhiên, điều đó nói lên sự năng động của dân tộc Thái nơi đây trong quá trình tương tác với toàn cầu hoá và kinh tế thị trường. Một mặt, họ đã cải tiến mẫu mã để phù hợp với nhu cầu của khách hàng, Mặt khác, họ vẫn duy trì phần nào những trang phục truyền thống. Họ đã và đang tự lựa chọn cho mình cái gì nên giữ và cái gì nên thay đổi để phù hợp với điều kiện mới. Trong tình hình đó, chúng ta có thể hy vọng nghề dệt của người Thái ở Noong Bua sẽ được duy trì và bảo tồn.

Chương 3
DỆT MAY Ở NOONG BUA VỚI PHÁT TRIỂN DU LỊCH ĐIỆN BIÊN

3.1. Tiềm năng du lịch ở Noong Bua, Điện Biên

Nhắc đến cái tên Điện Biên, bạn bè quốc tế sau hơn 50 năm vẫn còn thắc mắc tại sao một vùng đất hẻo lánh "vời vợi nghìn trùng" của một đất nước nhỏ bé như Việt Nam lại có thể làm nên một chiến thắng Điện Biên Phủ "lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu". Chỉ có đặt chân đến vùng đất nơi biên giới miền núi Tây Bắc này, cảm nhận cái hay, cái đẹp, cái tinh hoa của các tộc người nơi đây, cảm nhận sự anh dũng kiên cường "*gan không núng, chí không mòn*" của thế hệ cha anh thông qua các công trình văn hóa, sống lại không khí sôi sục của 56 ngày đêm "khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt" chiến đấu gian khổ qua những di tích lịch sử Điện Biên Phủ, thưởng thức các điệu múa và làn điệu dân ca, sản phẩm văn hóa truyền thống các tộc người ở Điện Biên, bạn sẽ hiểu được tại sao lại có:

Chín năm làm một Điện Biên

Nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng (Tố Hữu)

Nằm phía tây bắc của tổ quốc, có núi non bao bọc tạo thành một vùng lòng chảo rộng lớn và trù phú, điều kiện tự nhiên thuận lợi đã làm cho Điện Biên có nhiều cảnh đẹp thiên nhiên rất kỳ thú. Cánh đồng Mường Thanh trải rộng một màu xanh no ấm, những bản làng trù phú, những con suối ngoằn ngoèo cạnh những con đường nhựa láng bóng. Bên cạnh đó còn có những cánh rừng xanh thẳm còn giữ được vẻ đẹp nguyên sinh của mình, với các loại cây cổ thụ quý, các loại thú hoang dã như rừng nguyên sinh Mường Nhé. Ngoài ra Điện Biên còn rất nổi tiếng với những hồ nước rộng, đẹp, nhiều hang động, nguồn nước khoáng như: các hang động tại Thẩm Púa (Tuần

Giáo); các suối khoáng nóng Hua Pe, U Va; các hồ Pá Khoang, Pe Luông, Huổi Phạ, động Pa Thơm…

Chính vì vậy, Điện Biên có vị trí chiến lược rất quan trọng, qua nhiều thời kỳ lịch sử còn để lại những di tích có giá trị nhân văn, trong đó nổi bật nhất là hệ thống di tích lịch sử chiến thắng Điện Biên Phủ mang tầm cỡ quốc tế gồm: Sở chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ - Mường Phăng; các cứ điểm Him Lam, Bản kéo, Độc lập; Các đồi A1, C1, D1, E1 và khu trung tâm tập đoàn cứ điểm của Pháp (Khu hầm De Castrie). Quần thể di tích này là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá để phát triển du lịch không những của tỉnh Điện Biên, của Tây Bắc mà còn của cả nước.

Bảo tàng Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, nơi lưu giữ, trưng bày hàng nghìn các hiện vật, tranh, ảnh… liên quan đến chiến dịch. Những hiện vật đã theo chân người lính phục vụ cho chiến dịch Điện Biên 50 năm trước, với những chiếc xe đạp thồ gạo nổi tiếng, những chiếc áo chấn thủ giản dị cho đến những khẩu pháo, những chiếc xe tăng đồ sộ…

Một phần làm nên Điện Biên luôn mặn nồng trong lòng dân cả nước, ấy là bản sắc văn hóa độc đáo, phong tục tập quán đặc thù quyện hòa cùng sắc đẹp hoa Ban và những điệu xòe Thái hớp hồn du khách thập phương.

Bên cạnh các loại hình văn hóa vật thể, Điện Biên còn có tiềm năng phong phú về văn hóa phi vật thể, với 21 dân tộc anh em chung sống, mỗi dân tộc có sắc thái văn hóa riêng rất đa dạng, trong đó điển hình là tộc người Thái, tộc người H'Mông, tỉnh Điện Biên coi du lịch là một ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế.

Lễ hội truyền thống ở Điện Biên là một hình thức sinh hoạt văn hóa đặc sắc phản ánh đời sống tâm linh của mỗi dân tộc. Thông qua lễ và hội, trong chừng mực nhất định du khách có thể biết được phong tục tập quán của nhân dân địa phương. Vào những ngày này, hàng vạn du khách trong và ngoài nước đến đây để được ngắm nhìn những địa danh một thời oanh liệt, để được chiêm nghiệm và nghiêng mình trước lịch sử.

Sự kết hợp giữa quần thể di tích lịch sử chiến thắng Điện Biên Phủ - di tích lịch sử vô giá và bản sắc văn hóa dân gian của các tộc người ở Điện Biên đã khiến cho vùng đất này trở thành điểm hẹn lịch sử, một điểm đến đầy hấp dẫn.

Điện Biên có mạng lưới giao thông đường bộ khá thuận lợi với các tuyến đường: quốc lộ 279, quốc lộ 6, quốc lộ 12. Tỉnh có sân bay Mường Thanh tại thành phố Điện Biên Phủ, thuận tiện trong việc đi lại, giao lưu và hội nhập.

3.2. Tiềm năng du lịch của nghề dệt may ở Noong Bua

Nghề dệt thổ cẩm của người Thái nơi đây đã có từ rất lâu đời và cho đến ngày nay khi kinh tế thị trường phát triển, nghề dệt nơi đây vẫn được người phụ nữ lưu giữ và bảo tồn.

Trong xã hội thái cổ truyền, không nơi nào có xưởng thủ công chuyên sản xuất vải cung cấp, buôn bán cho cộng đồng. Để có được lượng lớn vả chi dùng cho những nhu cầu thiết yếu (mặc, ngủ…) người phụ nữ Thái đã phải dệt vải vào những thời gian tranh thủ trong từng ngày, từng mùa trong năm. Hầu như khắp các gia đình đồng bào Thái đều có công cụ làm sợi và dệt vải.

Trên nhà sàn trong gia đình người Thái, lúc nào ta cũng thấy khung cửi trong tư thế làm việc, cứ hễ có chút rảnh rỗi ta lại thấy người phụ nữ Thái có mặt bên khung cửi. Trước khi đi làm ruộng, nương vào buổi sáng, trưa hoặc trước khi đi ngủ buổi tối, ta lại thấy đôi cánh tay thon của chị em lao thoi, đập sợi, thoăn thoắt đôi chân, chăm chỉ, cần mẫn như con ong làm mật cho đời.

Nghề dệt luôn gắn bó với đời sống của cộng đồng Thái, những sản phẩm của nghề dệt luôn có mặt trong đời sống của từng gia đình Thái và có mặt trong các nghi thức quan trọng của đời người không thứ gì có thể thay thế được như đám cưới, đám tang…

Nhờ có sự phát triển của du lịch mà nghề dệt, may lại càng phát triển hơn và được nhiều người biết đến hơn. Noong Bua là một bản du lịch văn hoá, biết được lợi thế của mình, hội phụ nữ Phường Noong Bua đã kết hợp

với sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Điện Biên, phục vụ khách du lịch muốn tham quan và tìm hiểu văn hoá Thái. Tại đây khách du lịch được hòa mình vào không khí vui tươi, nhộn nhịp của con người nơi núi rừng Tây Bắc, được đắm say trong men rượu cần và những cô gái Thái xinh tươi trong bộ trang phục truyền thống vừa "khắp" (hát) hay lại vừa múa sạp giỏi.

Trong nhà văn hóa của phường có trưng bày các sản phẩm dệt, thêu và may như: bộ trang phục truyền thống, khăn piêu, tấm vải thổ cẩm, mặt chăn, túi Thái, túi thổ cẩm…Khách du lịch vừa xem và cũng có thể mua luôn tại nhà văn hoá. Chính và vậy mà nghề dệt nơi đây vẫn được duy trì và tồn tại. Nó không những thoả mãn nhu cầu sinh hoạt hàng ngày mà đã trở thành hàng hoá bán ra thị trường. Hơn ai hết chính người phụ nữ biết được những giá trị mà nghề dệt, thêu và may mang lại, điều đó càng kích thích họ yêu mến và gắn bó với nghề hơn.

Để hoàn thành được một tấm vải phải trải qua rất nhiều công đoạn. Đầu tiên là trồng bông, trồng dâu nuôi tằm, sau đó bắt đầu những khâu việc: phơi nắng cho bông nở hết cỡ (ták phải) và đưa bông vào máy cán quay tay để tách hột (ỉu phải). Tiếp đó chị em đưa bông vào khâu bật (tháp phải), cuốn bông thành từng đọt ngắn (lọ phải) để kéo thành sợi trên guồng xa quay tay (pắn phải). Sau khi bông đã thành sợi thì được đưa vào guồng cuốn thành từng con (pìa phải) để đem hồ bằng cháo gạo tẻ nấu loãng (khả phải), rồi đem dăng trên dàn phơi nắng cho sợi khô (ták phải). Tiếp đến việc đưa sợi cuốn vào suốt (piến phải hay phiến lót), dăng sợi, lắp go (Khền húk, xáư khau) và đưa vào khung cửi để dệt thành tấm vải (tắm húk).

Tất cả những công đoạn trên đều do một mình người phụ nữ đảm nhiệm, người đàn ông chỉ giúp họ trồng bông và làm khung cửi.

Hơn nữa, chính người phụ nữ là người thầy dạy, người truyền nghề cho chính con gái họ, và cứ thế truyền từ đời này qua đời khác. Thông qua đó những kiến thức về nghề dệt sẽ không bị mai một và lãng quên.

Hiện nay, mặc dù nghề dệt truyền thống của người Thái đã có nhiều biến đổi về nguyên liệu cũng như các các mô típ hoa văn. Nguyên liệu truyền thống để dệt là từ cây bông và trồng dâu, nuôi tằm, nhưng nay một số gia đình đã thay bằng sợi mậu dịch bán sẵn ở các chợ. Tuy nhiên, hội phụ nữ của phường trong những năm gần đã trồng được 3 nương bông, 2 nương dâu và 1 nương trồng chàm, giải quyết được khâu nguyên liệu tại chỗ và những đơn đặt hàng của khách du lịch muốn mua những sản phẩm thổ cẩm dệt, thêu từ nguyên liệu truyền thống. Như vậy, nghề dệt, thêu nơi đây sẽ luôn gắn bó với cuộc sống của người phụ nữ Thái và chính họ là nhân tố hàng đầu và quan trọng nhất đối với việc duy trì nghề thủ công truyền thống này.

Qua thời gian, nó sẽ có nhiều biến đổi nhưng không vì thế mà người phụ nữ sẽ quên đi những nguyên liệu và công đoạn đầu tiên đó, trong tâm trí của họ nghề dệt, thêu luôn tồn tại mãi, vì nó hết sức quen thuộc và gắn bó với cuộc sống của người phụ nữ, từng công đoạn làm ra sản phẩm như một bài học mà không một người phụ nữ nào được phép quên.

Bà Hoàng Thị Minh (38 tuổi) người Thái Sơn La, nhưng lên Noong Bua sống đã được 10 năm. Bà là một thợ may rất giỏi và nổi tiếng. Những chiếc áo cóm với đầy đủ màu sắc được cô cắt may rất khéo léo và tài tình. Bà cho biết làm một chiếc áo cóm thì hết 2 tiếng, còn cả áo và váy thì mất 2,5 tiếng. Như vậy 1 ngày cô có thể làm được 4-5 chiếc và bán ra được 100-120 nghìn /chiếc, còn nếu làm "mắc pém" bằng bạc thì được 300 nghìn đồng/chiếc và cả bộ váy áo thì được 600 nghìn /bộ. Nếu người may mang vải đến sẵn thì công may sẽ là 120 nghìn/bộ.

Cô còn cho biết thêm là những khách đặt hàng ở cửa hàng không những là bà con người Thái trong mà còn có cả các bản khác trong toàn thành phố Điện Biên. Đặc biệt hơn nữa bộ trang phục của người phụ nữ Thái lại được khách du lịch từ khắp nơi trong cả nước và khách nước ngoài khi đến du lịch Điện Biên phải trầm trồ thán phục và ca ngợi. Trước khi rời Điện Biên những

vị khách du lịch nữ theo lời giới thiệu đã tìm đến cô và đặt may những bộ trang phục Thái về làm kỷ niệm.

Ngoài ra cô còn nhận đơn đặt hàng của các đơn vị nghệ thuật trong tỉnh như: Đoàn nghệ thuật Hoa Ban trắng và đoàn văn công của các phường, xã trong và ngoài thành phố…Cô cho biết thêm những màu sắc được yêu thích nhất là màu hồng, vàng, xanh, trắng…Người trung tuổi thì mặc áo cóm tay dài và màu tối, sẫm, còn thanh niên thì thích áo cóm tay ngắn, vai bồng và màu sắc sặc sỡ tạo sự trẻ trung.

Thêm nữa khi may chiếc áo cóm ở Sơn La và Điện Biên có sự khác nhau: Đối với những phụ nữ trung tuổi ở Sơn La thì may không viền và vai bồng tay úp, còn Điện Biên thì vai thường tay xuôi. Còn thanh niên thì lại giống nhau cùng là vai bồng tay búp.

Hiện nay cửa hàng của cô Minh được mở rộng hơn rất nhiều và riêng cô đã tạo được công ăn việc làm cho 5 chị em phụ nữ phụ giúp cửa hàng. Thu nhập bình quân mỗi tháng của cô là 2 triệu còn 5 chị em phụ giúp là 600 nghìn/người/ tháng.

Cô cũng tâm sự: "Để cắt may được một chiếc áo cóm đẹp và vừa ý mọi người thì đòi hỏi người thợ phải có kỹ thuật cắt khâu để chiếc áo vừa với thân mình, thể hiện được thẩm mỹ Thái. Một là phải cắt cho đúng kích trước dài, ngắn sao cho đáy thân áo hạ đúng chỗ thắt eo ở bên dưới đôi vú mới nối thêm một đoạn gấu, phần lẩn vào bên trong cạp váy, chỗ thắt lưng phủ bên ngoài. Thợ khéo, áo vừa mình mới phô được hình dáng "thắt đáy lưng ong" *(eo kíu manh pò).* Ngược lại thợ vụng dại khi vận áo kiểu này, thân hình trở nên đuồn đuỗn như cái chĩnh vậy.

Hai là, phải cắt đúng kích cỡ của chiều rộng, sao cho chiếc áo phủ toàn thân mình thật kín đáo, nhưng khi mặc lại bó rất sát để hình dáng thân thể như được phô ra.

Ba là, phải biết triết hai nách áo, đảm bảo lồng ngực nở căng tròn, đạt tới tiêu chuẩn đẹp như câu ngạn ngữ: "*mình thon vú dựng*" (*kinh côm nôm*

tẳng) kỹ thuật này làm cho cơ thể và hai chi trên tưởng như bị áo bó chặt nhưng vẫn hoàn toàn tự do khi vận động.

Bốn là, phải biết cắt xẻ ngực, khâu, thêu viền bằng vải, tạo dựng phần cổ. Đây là chỗ để phân biệt một cách rõ ràng kiểu áo người Thái Đen và Thái Trắng. Áo Thái Đen thì dải viền hai vạt để cài cúc không liền với cổ áo, trong khi áo Thái Trắng thì cổ và đường viền đỏ liền một dải. Do đó phải tạo dựng theo kiểu cổ đứng, còn áo Thái Trắng phải tạo ra cách để đường viền bó ôm lấy cổ.

Mặc dù những chiếc áo cóm đã bị thay đổi rất nhiều so với áo cóm truyền thống, sự thay đổi đó là hoàn toàn phù hợp với những yêu cầu của cuộc sống mới, với sự thay đổi trong cách nghĩ của đồng bào Thái là khát vọng vươn tới cái đẹp, nhưng áo cóm vẫn đảm bảo được những yếu tố truyền thống và thể hiện được bản sắc riêng của dân tộc thái không lẫn với các dân tộc khác. Những chiếc áo cóm bây giờ đa dạng và nhiều mẫu mã hơn trước và nó đã được cách tân rất nhiều nhưng có một điều không bao giờ có thể thay đổi được đó là hàng "cúc bướm" (*pém*) đính trên mỗi chiếc áo cóm. Đây là một sự kết hợp thật hài hoà giữa truyền thống và hiện đại, hiện đại nhưng vẫn giữ được những yếu tố truyền thống.

Tóm lại, xét dưới góc độ văn hóa, việc duy trì nghề dệt với những sản phẩm thủ công tinh xảo, độc đáo này chính là quá trình bảo tồn những giá trị truyền thống của văn hoá Thái, mà mỗi đường nét hoa văn còn là một bí ẩn đối với các nhà nghiên cứu. Hy vọng trong tương lai không xa nghề may của người Thái ở đây cũng như ở các vùng khác sẽ không ngừng phát triển, góp phần quảng bá văn hoá Thái trong nước và quốc tế.

3.3. Giải pháp khai thác phục vụ phát triển du lịch

Những sản phẩm thổ cẩm không chỉ nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình mà trong cơ chế thị trường hiện nay nó đã trở thành mặt hàng có giá trị kinh tế cao, góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng thêm thu nhập và giải quyết được công ăn việc làm cho người dân. Điều muốn nói ở đây là nếu có

kế hoạch đầu tư phát triển tốt thì không những mặt hàng thổ cẩm của dân tộc Thái Tây Bắc sẽ trở thành một nguồn thu nhập chính, góp phần cải thiện đời sống cho người dân, mà nó còn là một nét văn hóa tiêu biểu và độc đáo của người Thái ở Tây Bắc.

Để duy trì và phát triển nghề dệt thổ cẩm trên địa bàn tỉnh Điện Biên nói chung và phường Noong Bua nói riêng, bên cạnh sự tích cực tham gia của người dân, của các cá nhân, tổ chức tâm huyết với nghề, cần có nhiều giải pháp mang tính tổng thể thì mới có thể tạo tiền đề và định hướng cho nghề truyền thống này phát triển vững chắc.

** Giải pháp về kinh tế*

Vấn đề đầu tiên mang tính chất bền vững cho sự phát triển của nghề dệt là nguồn nguyên liệu tại chỗ. Do vậy nên các ban ngành đoàn thể cần khuyến khích người dân trồng dâu nuôi tằm, trồng bông kéo sợi bằng việc cung cấp vốn, phân bón cho những hộ gia đình này. Từ đó, đặt các mặt hàng như chăn, gối, đệm, khăn piêu từ những gia đình được cung cấp vốn. Thông qua đó, khuyến khích đồng bào sử dụng lại những nguyên liệu truyền thống.

Hiện nay khung dệt của bà con chủ yếu đã quá thời gian sử dụng, nên đã có hiện tượng mối, mọt và không đảm bảo năng suất cũng như chất lượng. Cho nên sản phẩm tạo ra không được nhiều, chất lượng sản phẩm chưa cao, mẫu mã còn hạn chế, chủ yếu là mặt chăn, mặt gối, túi Thái…Do vậy cần có chính sách hỗ trợ kinh phí để hộ gia đình trong phường mua sắm, cải tiến khung, thoi…giúp cho người lao động tiếp cận kỹ thuật mới trong sản xuất để tạo ra những sản phẩm có chất lượng và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Đồng thời tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu mối phát triển làm nòng cốt tiêu thụ sản phẩm, từ đó tạo đà cho nghề dệt phát triển ổn định và bền vững .

Song song với việc tu sửa khung dệt, UBND phường cần phải xây dựng thêm một ngôi nhà sàn để chuyên trưng bày, triển lãm các công cụ cũng như các sản phẩm của nghề dệt như: khung dệt, bộ váy, áo truyền thống, túi thổ cẩm, túi Thái… Đó là việc "xây dựng bản văn hoá, nhà văn hóa truyền

thống", nhà văn hóa của bản sẽ vừa là nơi tiếp khách, vừa là nơi trưng bày các sản phẩm từ nghề dệt, may và thêu, các sản phẩm này có thể bán trực tiếp cho khách du lịch. Một điều nữa có thể nói đồng bào Thái ở đây rất khéo léo và sáng tạo, đó là việc thu hút khách du lịch bằng cách là: bên trong những ngôi nhà sàn thì trưng bày các sản phẩm dệt thổ cẩm, còn bên ngoài ở dưới sàn thì họ để một khung dệt và một cô gái Thái duyên dáng trong bộ trang phục truyền thống đang ngồi dệt vải. Điều này rất thu hút khách du lịch tham quan và tìm hiểu văn hoá Thái.

Đi đôi với vấn đề này là việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các nhà văn hoá và bản du lịch như Noong Bua, Phiêng Bua về hệ thống điện, nước và đường giao thông.

Đồng thời khuyến khích các tiềm năng nghề dệt để góp phần thực hiện xoá đói giảm nghèo, tạo ra công ăn việc làm cho một lượng lớn lao động tại địa phương. Để thực hiện mục tiêu xoá đói giảm nghèo phải đặc biệt coi trọng việc hàn gắn kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của địa phương và của nhà nước. Cần có sự phối hợp các chương trình quốc gia, các dự án quốc tế, các giải pháp hướng vào mục tiêu này. Nhờ đó, nghề dệt, may có thể phát huy được hiệu quả sản xuất hàng hóa, từ đó nâng cao và cải thiện đời sống người dân.

Ngoài ra UBND phường cần đầu tư kinh phí cho hội phụ nữ trong việc mua thêm những chiếc máy khâu, các loại chỉ mầu phục vụ cho nghề may giúp tăng thêm năng suất và từ đó tăng thêm thu nhập cho chị em.

** Giải pháp về văn hóa, xã hội*

Về phía ngành văn hóa cần có sự phối hợp với các ban ngành đoàn thể khác tổ chức những hoạt động văn hóa nhằm tác động đến tâm thức của người dân trở lại với nghề dệt, thêu truyền thống. Tổ chức các hội diễn văn nghệ và trình diễn các trang phục dân tộc, kết hợp với hát và múa.

Tổ chức các lễ hội dân gian thu hút được đông đảo đồng bào dân tộc tham gia. Trong những dịp này, chị em phụ nữ có cơ hội để mặc trang phục

truyền thống của dân tộc mình. Thông qua đó, họ sẽ ý thức bảo vệ và lưu giữ những giá trị văn hóa do ông cha để lại. Vì theo những người làm công tác văn hóa, thì việc thường xuyên tổ chức và duy trì các lễ hội truyền thống ở địa phương là cách giới thiệu có hiệu quả và ấn tượng nhất những giá trị cũng như sự đa dạng của sản phẩm dệt thổ cẩm trong đời sống vốn rất phong phú của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Điện Biên.

Như chúng ta đã biết nhân tố hàng đầu và quyết định đến sự tồn tại của nghề thủ công truyền thống này là những người phụ nữ Thái. Chính họ là chủ nhân sáng tạo ra những giá trị văn hóa mang đậm bản sắc tộc người. Do đó, nên mở các lớp tập huấn, dạy nghề để cho chị em giúp đỡ nhau, truyền lại cho nhau những kinh nghiệm của bản thân. Trong các lớp này khuyến khích chị em sưu tầm những mẫu hoa văn truyền thống bị lãng quên theo thời gian.

Thông qua đó, cần có sự tôn vinh, khen thưởng những nghệ nhân của nghề dệt, thêu. Vì nghề dệt có được bảo lưu, truyền tụng hay không một phần quyết định là nhờ vào bàn tay khéo léo và khối óc sáng tạo của những người nghệ nhân.

Tổ chức những cuộc thi dệt và thêu giỏi ở các bản trong phường. Hội thi sẽ thu hút đông đảo mọi người tham gia, qua đó tác động vào ý thức người dân trong việc giữ gìn, bảo tồn nghề thủ công truyền thống này. Thông qua hội thi các mẫu hoa văn trên các sản phẩm dệt thêu sẽ trở nên phong phú và đa dạng hơn và các mẫu hoa văn ngày xưa được tìm thấy và sử dụng lại.

** Giải pháp quảng bá và tiêu thụ sản phẩm*

Cần có sự chủ động phối kết hợp với ngành văn hoá – du lịch trong và ngoài khu vực và tìm kiếm các doanh nghiệp chịu đảm nhiệm khâu giải quyết đầu ra cho sản phẩm. Khi sản phẩm sản xuất theo hướng hàng hóa thì việc tìm đầu ra của sản phẩm thông qua ký gửi, trưng bày tại các đại lý, các kỳ hội chợ triển lãm ở các thành phố như: Hà Nội, Đà Nẵng, Huế, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội An…hoặc tại các địa điểm du lịch trong và ngoài tỉnh là việc làm rất cần thiết.

Do vậy, cán bộ văn hoá của phường cần phải rất năng động trong khâu này, vừa phải tìm kiếm thị trường tiêu thụ, vừa phải chủ động liên hệ với sở Văn hóa, Thể thao & Du lịch tỉnh Điện Biên để ký gửi các sản phẩm dệt, may của địa phương đi trưng bày, triển lãm trong các hội chợ lớn trong cả nước. Thông qua đó mọi người sẽ từng bước biết đến các mặt hàng thổ cẩm của Điện Biên nói chung và của phường Noong Bua nói riêng.

** Giải pháp phối hợp, con người và lao động*

Chính quyền địa phương là một lực lượng tiền đề cho kế hoạch phát triển nghề dệt, may trở thành nghề thủ công mũi nhọn góp phần xoá đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm, tăng thêm thu nhập cho người dân và gắn nghề thủ công này với hoạt động du lịch. Do vậy nên các ban ngành, đoàn thể trong phường cần phối hợp nhịp nhàng và từng bước đưa nghề dệt, may phát triển theo định hướng của nền kinh tế thị trường nhưng vẫn giữ được bản sắc và yếu tố truyền thống.

Đầu tiên phải kể đến đó là hội phụ nữ của phường: mở các lớp dạy nghề giúp chị em phụ nữ nâng cao tay nghề và truyền dạy cho thế hệ trẻ. Cần có kế hoạch triển khai giúp đỡ, hỗ trợ chị em thông qua việc cho vay vốn và chủ động tìm đầu ra cho sản phẩm.

Đoàn thanh niên: Đây là lực lượng vừa trẻ, vừa năng động cho nền kinh tế hàng hóa ở nước ta hiện nay. Cho nên việc triển khai các hoạt động cũng như các kế hoạch đưa các sản phẩm dệt, may ra thị trường không thể thiếu lực lượng này.

Đoàn thanh niên sẽ phối hợp với hội phụ nữ chủ động liên kết với các khu du lịch trong tỉnh Điên Biên như: Đồi A1, Tượng đài chiến thắng, hầm Đại tướng Võ Nguyên Giáp…để gửi bán các sản phẩm của nghề dệt, may và xa hơn nữa là ký gửi các các sản phẩm này đi trưng bày, triển lãm ở các kỳ hội chợ lớn trong cả nước. Khi đó, cần vận động tầng lớp thanh niên tham gia bán hàng, giới thiệu sản phẩm, bước đầu gieo vào tâm thức họ niềm say mê đối với nghề thủ công truyền thống của địa phương.

Hội Nông dân: Cần phối hợp với hội Cựu chiến binh tham gia vào kế hoạch khôi phục lại nghề dệt truyền thống. Giúp đỡ chị em phụ nữ trong việc tu sửa lại khung cửi, tạo nguồn nhân lực và tìm hiểu các giống bông, giống tằm cho năng suất cao, để giúp đồng bào có những hoạch định mới cho việc phát triển nghề dệt trong thời kỳ du lịch văn hóa đang có xu hướng phát triển mạnh ở miền núi.

Đặc biệt đối với cán bộ văn hóa của phường cần có kế hoạch tổ chức các hội thi và hội diễn văn nghệ, hội thi trình diễn các trang phục dân tộc của các bản trong toàn phường. Thông qua đó nhấn mạnh việc bảo lưu bản sắc văn hóa tộc người là việc làm hết sức quan trọng và cấp bách, là việc không phải của riêng các cấp chính quyền mà là của từng thành viên trong cộng đồng.

Việc duy trì và bảo tồn nghề dệt, may của đồng bào các dân tộc thiểu số nói chung và của người Thái nói riêng không thể thực hiện được trong một thời gian ngắn và không phải là việc làm của riêng ai. Hy vọng tổng thể những giải pháp được đề ra ở trên cần được thực hiện nghiêm túc sẽ có tác động tích cực trong việc khôi phục nghề thủ công truyền thống vốn đã có từ rất lâu đời và gắn bó với dân tộc Thái và từng bước đưa các sản phẩm của nghề dệt, may ra thị trường góp phần xóa đói giảm nghèo, tăng thêm thu nhập và cải thiện đời sống cho người dân.

4. Các tour du lịch có thể thực hiện

Trên cơ sở nghiên cứu nghề dệt may ở Noong Bua, tìm hiểu các giá trị của nó, cùng với sự hiểu biết về Điện Biên, về du lịch văn hóa,... bước đầu tác giả xin giới thiệu một số tuor du lịch Điện Biên, Noong Bua như sau:

❖ **Tour 1: Hải Phòng – Sơn La – Điện Biên – Noong Bua**

(4 ngày – 3đêm)

Ngày 1: Hải Phòng – Sơn La

05h00: Xe và hướng dẫn viên đón Quý khách tại điểm hẹn khởi hành đi Điện Biên.

Trên đường Quý khách có cơ hội chiêm ngưỡng những cảnh đẹp thơ mộng của vùng núi rừng Tây Bắc, dừng chân tìm hiểu cuộc sống của các dân tộc Thái, Mường, ăn trưa trên đường.

Ngủ đêm tại thị xã Sơn La.

Ngày 2: Sơn La – Điện Biên

07h00: Sau bữa sáng Quý khách tham quan ***nhà tù Sơn La, Bảo tàng dân tộc.***

Khởi hành đi Điện Biên, trên đường dừng chân thăm những vùng chiến trường xưa.

12h30: Đến Điện Biên, nhận phòng khách sạn, ăn trưa tại khách sạn.

14h00: Xe đưa Quý khách đi tham quan ***Bảo tàng Điện Biên Phủ, viếng nghĩa trang A1, thăm cầu Mường Thanh, hầm Đờ Cát và chiến trường xưa.***

18h00: Ăn tối tại khách sạn.

19h00: Tự do dạo chơi tham quan thành phố Điện Biên. Nghỉ đêm tại khách sạn Mường Thanh.

Ngày 3: Điện Biên, Noong Bua

07h00: Ăn sáng tại khách sạn.

07h30: Xe đưa Quý khách đi thăm hầm chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ, hầm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái.

11h30: Ăn trưa tại TP.Điện Biên.

13h00: Tham quan nghề dệt may ở Noong Bua.

15h00: Tham quam khu du lịch Pá Khoang.

18h00: Ăn tối tại khách sạn.

Ngày 4: Điện Biên – Hải Phòng

07h00: Ăn sáng tại khách sạn.

07h30: HDV đón Quý khách lên xe về Hải Phòng.

12h30: Ăn trưa tại Hòa Bình.

20h30: Về đến Hải Phòng. Kết thúc chương trình.

❖ **Tour 2: Hà Nội – Điện Biên – Noong Bua (3 ngày, 2đêm)**

Ngày 1: Hà Nội- Điện Biên

09h00: Hướng dẫn viên đón Quý khách tại sân bay Nội Bài, hướng dẫn Quý khách lên máy bay đáp chuyến bay VN494 đi Điện Biên lúc 11h00.

12h00: Xe ôtô đón Quý khách tại sân bay Điện Biên.

12h30: Nhận phòng khách sạn, ăn trưa tại khách sạn.

14h00: Xe đưa Quý khách đi tham quan Bảo tàng Điện Biên Phủ, viếng nghĩa trang A1, thăm cầu Mường Thanh, hầm Đờ Cát và chiến trường xưa.

18h00: Ăn tối tại khách sạn.

19h00: Tự do dạo chơi tham quan thành phố Điện Biên. Nghỉ đêm tại khách sạn Mường Thanh.

Ngày 2: Điện Biên

07h00: Ăn sáng tại khách sạn.

07h30: Xe đưa Quý khách đi thăm hầm chỉ huy chiến dịch Điện Biên Phủ, hầm Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Hoàng Văn Thái.

11h30: Ăn trưa tại khách sạn Pá Khoang.

13h30: Tham quan nghề dệt may và du lịch văn hóa Thái ở Noong Bua.

18h00: Ăn tối tại khách sạn.

Ngày 3: Điện Biên – Hà Nội

07h00: Ăn sáng tại khách sạn.

08h00: Tự do mua sắm quà lưu niệm

11h00: Ăn trưa tại khách sạn.

12h30: Xe đưa Quý khách ra sân bay đáp chuyến bay VN493 về Hà Nội lúc 14h00.

15h00: Về đến Hà Nội. Kết thúc chương trình.

KẾT LUẬN

Lịch sử dân tộc Thái là lịch sử của một tộc người bền bỉ đấu tranh kiên cường, lao động để duy trì bảo tồn sự sống, để vươn lên giành no đủ, hạnh phúc. Người Thái đã xây dựng cộng đồng dân tộc mình phát triển hòa đồng, bền vững, xây đắp lên những công trình, những di sản văn hóa vật chất tinh thần giá trị tạo nên bản sắc dung dị, lắng sâu trong cộng đồng các tộc người.

Người Thái không ngừng nâng cao tầm tri thức của mình để đồng hành cùng sự phát triển của dân tộc.

Cùng với sự phát triển kinh tế thị trường nhưng nét đẹp văn hóa truyền thống của người Thái vẫn như nguồn mạch tự nhiên vốn có làm giàu thêm nền văn hóa sự sống.

Nghề dệt thật nhọc nhằn nhưng đầy tính nhân văn và mang đậm tính cộng đồng, bởi lẽ nó gần gũi với con người miền núi, gần với thiên nhiên và cuộc sống nơi đây. Nhìn vào tấm thổ cẩm, chúng ta có thể cảm nhận được màu xanh của cây lá, trắng, hồng, đỏ của hoa rừng, màu vàng rực rỡ của ánh nắng mặt trời. Những đường nét hoa văn trên mảnh vải thổ cẩm thể hiện nét đẹp tâm hồn, sự kì công, tỉ mỉ, kiên trì, sự tinh tế trong từng cử chỉ, thao tác của người phụ nữ Thái.

Từ bao đời nay, nghề dệt đã gắn bó máu thịt với đời sống của người Thái ở vùng núi Tây Bắc, nhất là với người phụ nữ. Có thể nói hình ảnh bình yên và hài hòa nhất là hình ảnh người phụ nữ Thái lặng lẽ ngồi dệt vải bên khung cửi. Cho nên, phụ nữ Thái hàng ngày vất vả với việc làm nương rẫy, ruộng vườn, cứ có thời gian rảnh rỗi là họ dành cho việc dệt vải, thêu khăn "piêu". Vì thế mỗi đường nét trên mảnh vải còn thấm đượm tình yêu lao động, quê hương, đất nước, tình yêu đôi lứa hơn nữa đó còn là khát vọng của họ vào cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Những sản phẩm dệt của người Thái như được bắt nguồn từ cội nguồn của dân tộc, đưa con người vào thiên nhiên. Cũng chính vì lẽ đó mà nghề dệt thủ công của người Thái đã bảo lưu tốt những nét đặc thù của văn hóa Thái, là sợi dây nối quá khứ, hiện tại và tương lai. Đó là truyền thống, là cái cần được lưu giữ và bảo tồn để tạo ra sức sống vững chắc cho tương lai.

Người Thái đã bảo lưu truyền thống văn hóa mình cho đến ngày nay bằng nhiều cách khác nhau, trong đó việc dệt vải thủ công, nuôi tằm dệt lụa, tạo ra những sản phẩm đồ vải đẹp được coi là quan trọng nhất. Nhưng theo thời gian, những bộ trang phục truyền thống, nhà cửa, phong tục tập quán, đặc biệt là nghề dệt thổ cẩm sẽ bị mai một dần, nhưng nó sẽ được lưu giữ mãi trong các công trình văn hóa nghệ thuật và trong tâm trí của những ai yêu quý và trân trọng nghề thủ công truyền thống này. Đồng thời với hoạt động du lịch, nghề dệt, may sẽ được khôi phục và phát triển. Chỉ khi nào những bản sắc độc đáo ấy được giữ gìn, tôn tạo nâng lên để hấp dẫn khách du lịch thì nó mới được lưu giữ và bảo tồn. Chỉ có hoạt động du lịch mới quảng bá các mặt hàng thổ cẩm trên phạm vi rộng một cách thuận lợi.

Trong nền kinh tế hàng hóa hiện nay, nghề dệt, may đang dần khẳng định vai trò to lớn của mình đối với cuộc sống của đồng bào nơi đây. Nó giúp người dân cải thiện đời sống, tăng thêm thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo, tạo công ăn việc làm cho một lượng lao động lúc nhàn rỗi.

Trong tiến trình nhất thể hóa kinh tế - văn hóa toàn cầu của thế kỷ mới, sự tiếp xúc và va chạm càng rõ nét. Trước xu thế đó chúng ta vừa phải tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, vừa phải giữ bản sắc của chính dân tộc mình. Nghề dệt của dân tộc Thái đã có hàng ngàn năm lịch sử với những sản phẩm quý giá và độc đáo của nó. Nhưng trước sự tác động mạnh mẽ của văn hóa phương Tây, vận mệnh tương lai nó sẽ như thế nào, liệu nó có thể duy trì được sự hoàn chỉnh của mình trong tính đa dạng văn hóa hay không? Đây là một việc khó và đòi hỏi phải có sự tham gia của các cơ quan, đoàn thể từ

trung ương đến địa phương. Đặc biệt có sự tham gia hợp tác của đồng bào các dân tộc thiểu số.

Mong rằng, nghề dệt may của người Thái ở Noong Bua – Điện Biên sẽ được giữ gìn và phát triển thành những thương hiệu hàng hóa, có điều kiện mở rộng sản xuất, phát triển thị trường, góp phần nâng cao đời sống kinh tế, văn hóa – xã hội của đồng bào dân tộc nơi đây. Với bề dày trong bản sắc văn hoá, cùng những danh lam thắng cảnh nổi tiếng mà thiên nhiên ban tặng, Điện Biên sẽ thực sự là điểm đến của nhiều du khách trong và ngoài nước.

PHỤ LỤC

Một số hình ảnh về nghề dệt may của người Thái ở Noong Bua

Chiếc khăn piêu

Khung cửi

Cô gái Thái bên khung cửi

Uống rượu cần

Mua bán hàng hóa

Trang phục của phụ nữ Thái

Trang phục của người phụ nữ Thái